



20

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ELCOM CORPORATION **2014**



NGÀY THÀNH LẬP
15.12.1995

ELCOM TRỞ THÀNH
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
NĂM 2010
(MÃ CỔ PHIẾU: ELC)

VỐN HOÁ THỊ TRƯỜNG
(SỐ LIỆU 31/12/2014)
523 TỶ

QUY MÔ NHÂN SỰ
400 - 500
NHÂN VIÊN

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (ELCOM) là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam cung cấp các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chìa khóa trao tay và các dịch vụ kĩ thuật cho ngành Viễn thông, An ninh quốc phòng, Giao thông vận tải, Chính phủ... đồng thời là đơn vị phân phối, là cầu nối hoàn hảo cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường Việt Nam.

Trải qua 20 năm phát triển và trưởng thành, ELCOM tự hào là chuyên gia số 1 trong các mảng thị trường chuyên biệt mà mình lựa chọn tham gia.

Trụ sở chính

Tòa nhà ELCOM, Duy Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Tel: +84.4 38 359 359 / Fax: +84.4 38 355 884
www.elcom.com.vn

Chi nhánh ELCOM Hồ Chí Minh

Số 162/12 đường Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, TP HCM
Tel: +84.8 35 534 980/81 / Fax: +84.8 35 534 970

TOP 30
DOANH NGHIỆP CNTT
VIỆT NAM
(THEO VINASA - 2014)



1995 - 2015
ELCOM CORPORATION

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH 06

I. TỔNG QUAN VỀ ELCOM 08

Lĩnh vực hoạt động	09
Dấu ấn Elcom 20	10
Mảng thị trường chính	12
Khách hàng tiêu biểu	15
Sự kiện tiêu biểu 2014	16
Sơ đồ tổ chức	18
Hội đồng quản trị	20
Ban điều hành	22
Ban kiểm soát	23
Thông tin về cổ đông	24

26 II. ĐÁNH GIÁ 2014 - NHẬN ĐỊNH 2015

Đánh giá hoạt động 2014	27
Nhận định và định hướng 2015	28
Đánh giá các mảng thị trường	31
Hoạt động vận hành	34
Định hướng chất lượng	35

38 III. CÁC BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Báo cáo hội đồng quản trị	39
Báo cáo ban kiểm soát	42

44 IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất 2014	45
---------------------------------	----

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*“ Tôi tin rằng
chính Con người ELCOM
là nhân tố tiên quyết để
tạo nên sức mạnh và sự
thành công của ELC! ”*

Ông Phan Chiến Thắng
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
ELCOM Corporation

Thưa quý vị khách hàng, quý cổ đông, đối tác và toàn thể ELCOMers,

Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ ngày nay, nhiều sản phẩm và dịch vụ sáng tạo mới ra đời đang ngày càng nâng cao chất lượng và môi trường sống của tất cả chúng ta.

ELCOM hiểu được rằng, những doanh nghiệp đi tiên phong trong việc nắm bắt ý tưởng, xây dựng các giải pháp tiên tiến, kiến tạo nên những giá trị mới – phục vụ đời sống và nhu cầu của con người, của doanh nghiệp và của xã hội – sẽ là những doanh nghiệp gặt hái được nhiều thành công lớn trên con đường phát triển bền vững!

Từ ý niệm đó, chúng tôi đã xây dựng tổ chức của mình hướng đến những giá trị của TINH – TÂM – TRÍ – TÍN. Những thành quả, giải thưởng công nghệ mà ELCOM đã đạt được trong những năm vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh đang ngày càng tốt hơn là minh chứng rõ nét cho sự trưởng thành của ELCOM.

Qua 20 năm, từ những thành công vượt trội của ELCOM trong năm 2008 - 2010, đến những khó khăn, suy thoái của nền kinh tế trong nước và kinh tế thế giới giai đoạn 2012 - 2014 vừa qua, chúng tôi càng thấu hiểu rằng thành công là sự hội tụ của vô vàn yếu tố, trong đó có việc không bao giờ được ngủ quên trên chiến thắng của chính mình. Những rào cản khó khăn ấy của thị trường đã vô hình chung giúp ELCOM xây dựng và cải tiến bộ máy, tối ưu hóa các hoạt động để trở nên năng động hơn, chuyên nghiệp hơn, sẵn sàng cho những “trận đánh” lớn hơn khi thời vận mới đang đến gần. Giá trị và sức mạnh lớn lao của định hướng đúng đắn, tri thức, sự đoàn kết, đồng lòng cùng với khát khao sáng tạo, làm chủ công nghệ, làm chủ cuộc sống đã cho chúng tôi cơ hội lớn để cùng nhau xây, cùng nhau góp... Nhờ vậy, các giá trị dần được hình thành và vun đắp, cả về vật chất lẫn văn hóa, tinh thần. Năm 2014 đánh dấu cột mốc những sản phẩm công nghệ chất lượng cao của ELCOM đã bắt đầu vươn ra, thâm nhập, chiếm lĩnh một số thị trường rộng lớn hơn trong các lĩnh vực Viễn thông, An ninh Quốc phòng, Giao thông – Vận tải, Chính phủ... và gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể.

Vận hội của 2015 đang đến!

Hơn lúc nào hết, chúng tôi đã sẵn sàng dang tay đón nhận cơ hội và thử thách với một tâm thế rộng mở, nhiệt huyết và tràn đầy tin tưởng! Kể từ đây, **“Nhìn về cùng MỘT hướng, trao đổi cùng MỘT ngôn ngữ”** và **“Dứt điểm”** là điều mà toàn thể cán bộ nhân viên ELCOM ở mọi cấp, mọi bộ phận cần ưu tiên và kiên quyết hành động để hiện thực hóa **“Khát vọng tuổi 20”** của ELCOM!

Cho một xã hội thịnh vượng hơn, cho một ELCOM vững bước đi lên, tôi tin tưởng và mong chờ tiếp tục đón nhận sự đồng thuận, đồng lòng và hành động thiết thực từ quý vị khách hàng, quý cổ đông, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHAN CHIẾN THẮNG

TỔNG QUAN VỀ ELCOM

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	09
DẤU ẤN ELCOM 20	10
MẢNG THỊ TRƯỜNG CHÍNH	12
KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU	15
SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2014	16
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	18
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
BAN ĐIỀU HÀNH	22
BAN KIỂM SOÁT	23
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG	24

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Nghiên cứu phát triển giải pháp và hệ thống công nghệ

ELCOM là đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu, phát triển các giải pháp phần cứng, phần mềm nhằm giải quyết các bài toán về hệ thống công nghệ thông tin trong các mảng thị trường chuyên biệt mà mình lựa chọn...

Cung cấp các dịch vụ triển khai, tích hợp và hỗ trợ kỹ thuật

Nhiều năm liền ELCOM giữ vị trí dẫn đầu Việt Nam cả về khách hàng và giá trị các hợp đồng trong lĩnh vực tích hợp hệ thống. Hầu hết những hệ thống công nghệ thông tin tổng thể cho các tổ chức giữ vai trò xương sống của nền kinh tế Việt Nam đều do ELCOM thiết kế, cung cấp và triển khai.

Tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ

Bằng khả năng công nghệ, sự am hiểu, ELCOM đã và đang là đơn vị đi tiên phong trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ cao tại thị trường Việt Nam. Không những cho các giải pháp của mình mà còn cả khả năng tùy biến sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho các sản phẩm, giải pháp nước ngoài.

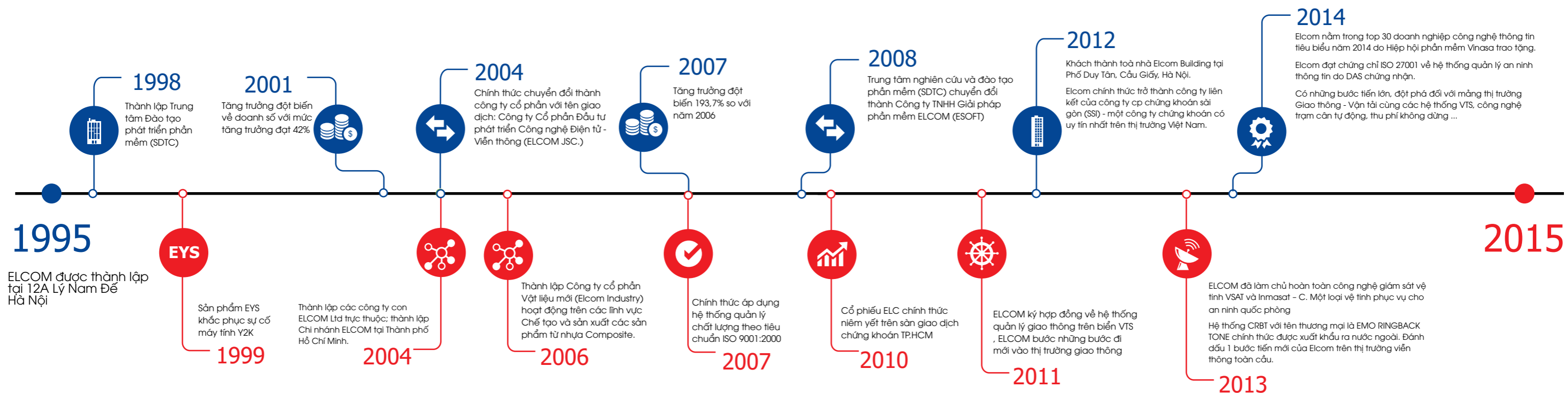
Hoạt động thương mại và phân phối sản phẩm, dịch vụ

Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường công nghệ, ELCOM là một đối tác thương mại tin cậy và mạnh về tiềm lực tài chính cũng như công nghệ. Chúng tôi tin rằng sẽ làm hài lòng khách hàng với các dịch vụ lắp đặt từng phần, hạng mục hoặc các dự án "chìa khóa trao tay" cho các khách hàng trong và ngoài nước.

Hoạt động đầu tư công nghệ cao

Tổ chức xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thực hiện liên danh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ phát triển nghiệp vụ đầu tư trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật;

DẤU ẤN ELCOM 20



Các giải thưởng

7 lần ELCOM nhận các giải thưởng Sao Khuê dành cho các sản phẩm công nghệ tiêu biểu tại Việt Nam:

Doanh nghiệp phần mềm tiêu biểu Việt Nam có ứng dụng công nghệ xuất sắc (2005).

Hệ thống dịch vụ truyền hình tương tác EOD (2007)

Sản phẩm "Hệ thống Hộp thư thông minh Interbox" (2008)

Dịch vụ thông báo cuộc gọi nhờ MCA (2011)

Hệ thống cổng tin nhắn dịch vụ EMO SGS (2012)

Thiết bị giải trí truyền hình eBop (2013).

Hệ thống nhạc chuông chờ CRBT (2014)

4 lần liên tiếp ELCOM nhận giải thưởng "Doanh nghiệp trẻ tiêu biểu Thành phố Hà Nội" vào các năm 2002, 2003, 2004 và 2005

3 là số lần ELCOM nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các thành tích trong sản xuất kinh doanh và đóng góp cho xã hội năm 2005, 2010 và bằng khen do Ủy ban nhân dân TP Hà Nội trao tặng cho Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010.

2 là số lần ELCOM đạt cúp Sao vàng đất Việt cho các sản phẩm công nghệ tiêu biểu và thương hiệu của mình:

"Hệ thống đèn tín hiệu giao thông E37" và "Evision - Hệ thống Hội nghị truyền hình theo tiêu chuẩn MPEG và H232" (2004)

Thương hiệu ELCOM (2013)

34 là tổng số các danh hiệu, giải thưởng mà ELCOM đã đạt được trong 20 năm phát triển trưởng thành.

MẢNG THỊ TRƯỜNG CHÍNH



VIỄN THÔNG

ELCOM là nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam về các giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chia khóa trao tay và các dịch vụ kỹ thuật cho ngành viễn thông - doanh nghiệp.

AN NINH QUỐC PHÒNG

ELCOM xây dựng và cung cấp các giải pháp tổng thể về giám sát an ninh, bảo mật, truyền dẫn, cơ sở dữ liệu... phục vụ an ninh quốc phòng.

GIAO THÔNG VẬN TẢI

Chúng tôi là những người tiên phong áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ cao trong lĩnh vực giao thông, vận tải, khai thác quản lý điều hành... Các dự án được triển khai và đã ứng dụng diện rộng trên cả nước.

CHÍNH PHỦ

Cùng với những chủ trương xã hội hoá các dự án đầu tư công, bằng tiềm lực tài chính của mình, ELCOM đang dần nắm bắt cơ hội và trở thành đối tác đáng tin cậy trong các dự án của chính phủ.



“

ELCOM luôn chủ động đứng về phía khách hàng của mình để xây dựng các bài toán và đưa ra các giải pháp tối ưu nhất, toàn diện và triệt để nhất cho các vấn đề. Nhờ vậy tối ưu hoá chi phí và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng, đối tác.

”

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

Khối An ninh - Quốc phòng



Khối Giao thông - Vận tải



Khối Viễn thông



Khối Chính phủ



Khối Doanh nghiệp



I. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Sau thành công của Hệ thống quản lý điều hành tàu biển (VTS) luồng Sài Gòn - Vũng Tàu, ELCOM tiếp tục được Cục Hàng hải Việt Nam tin tưởng và ký kết dự án mở rộng, áp dụng hệ thống quản lý điều hành tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng với tổng giá trị hợp đồng lên đến hơn 171 tỷ đồng. Đây là tiền đề để ELCOM phát huy khả năng, thế mạnh của mình khi hướng tới mảng thị trường tiềm năng mới là giao thông vận tải.
- ELCOM ký hợp đồng trị giá hơn 137 tỷ với Mobifone để cung cấp hệ thống truyền dẫn Viba, giúp nhà mạng tiết kiệm được chi phí so với hệ thống truyền dẫn bằng cáp quang. Việc ký được hợp đồng này một lần nữa đã khẳng định vị thế của ELCOM trong mảng thị trường Viễn thông truyền thống, cũng như mở ra hướng hợp tác đầu tư mới cho các dự án ITS.
- Năm 2014, ELCOM HCM lần đầu tiên ký hợp đồng cung cấp eHotel giải pháp truyền hình giải trí trên nền IP mang nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách sạn/resort ra thị trường nước ngoài. Dự án này mang lại giá trị thương hiệu eHotel trên lĩnh vực Hospitality, đồng thời đánh dấu bước ngoặt lớn, chứng minh rằng sản phẩm và giải pháp ELCOM có thể cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của nước ngoài.



II. SẢN PHẨM - CÔNG NGHỆ



- Sản phẩm Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển sử dụng công nghệ LRIT đã được ELCOM phát triển và triển khai thành công trên vùng biển Việt Nam đồng thời nhận được đánh giá cao từ phía đối tác. Đặc biệt, công nghệ này đã giải mã thành công bản tin LRIT trao đổi thông tin giữa tàu thuyền và vệ tinh. Đây là thành công lớn của ELCOM và mở ra tiềm lực phát triển mạnh mẽ trong mảng thị trường an ninh quốc phòng.
- Năm 2014, một loạt các sản phẩm như ITS, camera nhiệt Uncooled, eVision Government, hệ thống thu phí một dừng được ELCOM nâng tầm lên quy mô lớn trong cả thị trường truyền thống lẫn thị trường mới. Đây là các sản phẩm mới trong thị trường Viễn thông truyền thống. Các sản phẩm này đều có chung đặc điểm đó là: sử dụng công nghệ mới, được triển khai trên quy mô lớn, đòi hỏi nhiều nguồn lực và chi phí cho việc nghiên cứu phát triển và triển khai. Việc làm chủ được các sản phẩm này đã giúp ELCOM được đặt chân vào các mảng thị trường mới.
- ELCOM triển khai hệ thống EMO_CBS tại MobiFone để thay thế giải pháp cũ. Như vậy 2 dịch vụ VLive của VinaPhone và LiveInfo của MobiFone đã hoàn toàn sử dụng sản phẩm công nghệ của ELCOM.
- EHotel là sản phẩm của ELCOM HCM phát triển dành cho khách sạn, resort, dựa trên nền tảng công nghệ mới nhất của IP như Live-TV, VOD, MOD, nVOD, InteractiveTV, PVR ..., kết hợp với các yêu cầu riêng của khách sạn. eHotel mang tới cho khách lưu trú dịch vụ mà họ thực sự đang mong đợi.

III. PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC

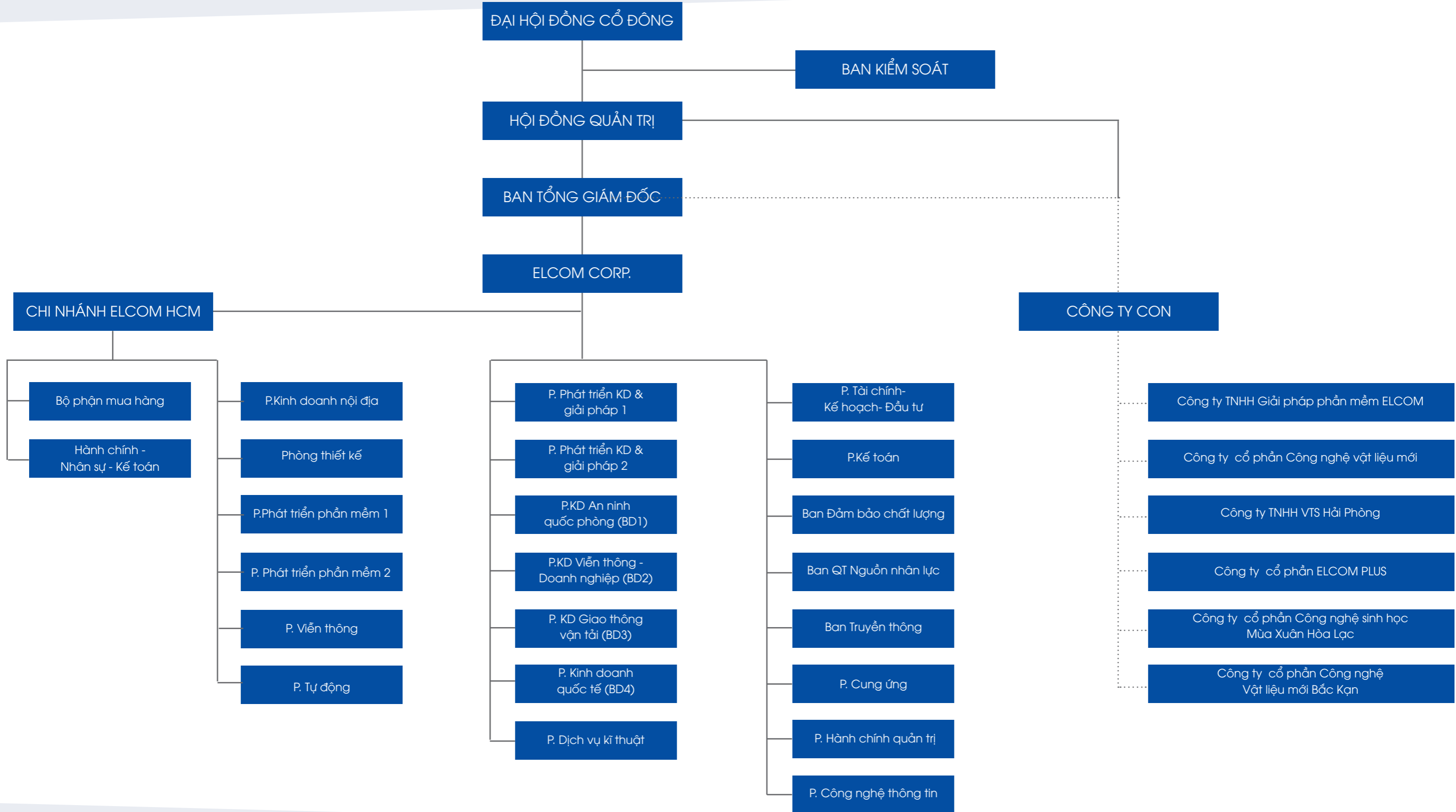
- Với định hướng đẩy mạnh phát triển cho giai đoạn tiếp theo, ELCOM đã quy hoạch thành lập công ty phát triển số 2 và công ty Elcom Plus. Elcom Plus là một nỗ lực nhằm đẩy mạnh khai thác mảng thị trường dịch vụ giá trị gia tăng đầy tiềm năng, đồng thời tiếp cận trực tiếp tới đối tượng khách hàng là người dùng cuối. Công ty phát triển số 2 tập trung nhắm đến các giải pháp cho các thị trường mới như giao thông vận tải, an ninh quốc phòng, các hệ thống giám sát an ninh ... Điều này cho thấy quyết tâm mạnh mẽ của ban lãnh đạo công ty trong việc thực hiện các mục tiêu về phát triển tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh cho những năm tiếp theo.

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG



- Năm 2014, ELCOM liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín như: ELCOM nằm trong top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin tiêu biểu năm 2014 do Hiệp hội phần mềm Vinasa trao tặng; ELCOM nhận giải thưởng Sao Khuê năm 2014 cho hệ thống nhạc chuông chờ CRBT (Sản phẩm nhạc chuông chờ CRBT cho phép khách hàng cài đặt các bản nhạc, ca khúc hoặc những âm thanh độc đáo để người gọi đến được thưởng thức trong khi chờ máy).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phan Chiến Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Mạnh Hải
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông Trần Hùng Giang
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông Ngô Ngọc Hà
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Đức Thiện
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Khắc Hải
Ủy viên Hội đồng Quản trị

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Phan Chiến Thắng
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Mạnh Hải
Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Duy Hưng
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà Vũ Thị Ngân Hà
Thành viên Ban Kiểm soát



Ông Trần Hùng Giang
Phó Tổng Giám đốc



Bà Đặng Thị Thanh Minh
Kế toán trưởng



Ông Phạm Minh Thắng
Thành viên Ban Kiểm soát

CÁC THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chung về cổ phiếu ELC

- Đến ngày 31/12/2014, vốn điều lệ của ELC là 379.399.090.000 đồng tương ứng với 37.939.909 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, có 30.019.909 cổ phiếu tự do chuyển nhượng và 7.920.000 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty.
- Phát hành thêm cổ phiếu: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Công ty đã phát hành 600.000 cổ phiếu để tài trợ cho chương trình ESOP năm 2014 nâng vốn điều lệ lên 379.399.090.000 đồng.

2. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông		Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước						
2	Cổ đông sáng lập	12.050.572	31,76				
	<i>Trong nước</i>	12.050.572	31,76	5			5
	<i>Nước ngoài</i>						
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	11.757.756	30,99	3			3
	<i>Trong nước</i>	9.760.531	25,73	2			2
	<i>Nước ngoài</i>	1.997.225	5,26	1			1
4	Công đoàn Công ty						
	<i>Trong nước</i>						
	<i>Nước ngoài</i>						
5	Cổ phiếu quỹ						
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi						
7	Cổ đông khác	14.131.581	37,24	464	25		439
	<i>Trong nước</i>	12.598.294	33,20	437	16		421
	<i>Nước ngoài</i>	1.533.287	4,04	27	9		18
	TỔNG CỘNG	37.939.909	100,00	472	28		444
	<i>Trong nước</i>	34.409.397	90,70	444	18		426
	<i>Nước ngoài</i>	3.530.512	9,30	28	10		18

3. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Phạm Minh Thắng	32.357	0,08	132.357	0,34	Mua từ phát hành cổ phiếu ESOP

4. Sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn tại ngày 31/12/2014

STT	Tên cổ đông	Chức danh/Quan hệ với Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	7.317.475	19,29
2	Công ty TNHH Đầu tư DT&T	Cổ đông lớn	2.443.056	6,44
3	VIETNAM EQUITY HOLDING	Cổ đông lớn	1.997.225	5,26
4	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.960.030	5,17
5	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	2.205.387	5,81
6	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.044.225	8,02
7	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3.010.250	7,93
8	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	1.830.680	4,83
9	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	590	0,00
10	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	0	0
11	Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban kiểm soát	0	0
12	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	2.746	0,01
13	Phạm Minh Thắng	Thành viên BKS	132.357	0,34
14	Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	53.706	0,14

II ĐÁNH GIÁ 2014 - NHẬN ĐỊNH 2015

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2014	27
NHẬN ĐỊNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2015	28
ĐÁNH GIÁ CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG	31
HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH	34
ĐỊNH HƯỚNG CHẤT LƯỢNG	37

ĐÁNH GIÁ 2014 - NHẬN ĐỊNH 2015

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2014

Năm 2014 được đánh giá là một năm thành công của Elcom cả về mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển tổ chức, con người.

Vượt qua giai đoạn suy thoái kinh tế chung, năm 2014 là năm đánh dấu sự khởi sắc trở lại trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Elcom khi mà các chỉ tiêu kết quả hoạt động chính đều tăng

trường ấn tượng. Lợi nhuận sau thuế đạt 61,83 tỷ, tăng trưởng 93% và hoàn thành kế hoạch đầu năm; Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2014 là 12%, tăng trưởng 50%; Tổng tài sản tăng 15% so với năm trước.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH CHÍNH NĂM 2014

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013 (Tỷ đồng)	Thực hiện năm 2014 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
Doanh thu thuần	418,71	330,62	
Lợi nhuận gộp	86,75	125,91	45%
Lợi nhuận sau thuế	31,97	61,83	93%
Vốn chủ sở hữu	645,96	681,89	6%
Tổng tài sản	949,53	1088,20	15%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng tiền mặt)	8%	12%	50%

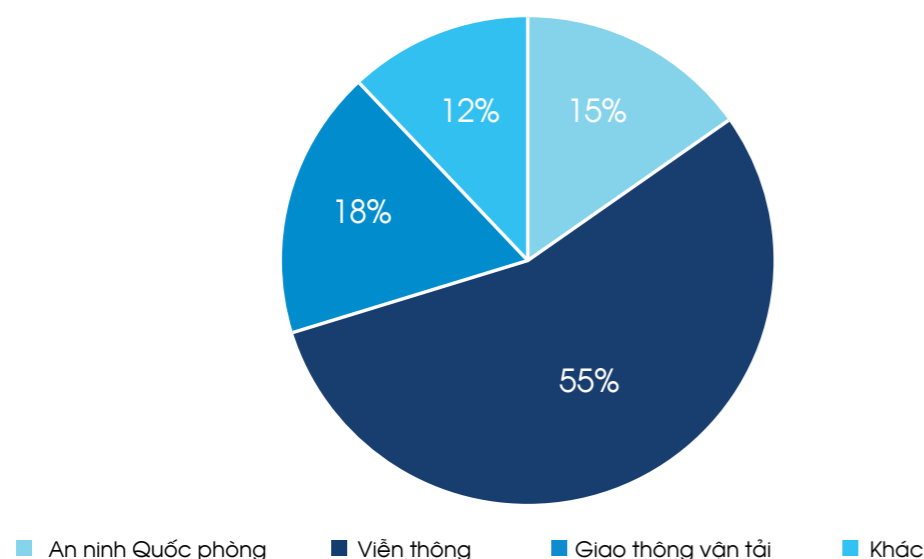
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2.11	2.03
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1.72	1.56
+ Hệ số thanh toán bằng tiền mặt (lần)	0.36	0.16
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	31.27%	35.72%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	45.96%	57.00%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay Hàng tồn kho theo Doanh thu	5.21	3.39
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0.44	0.30
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	7.64%	18.70%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	4.95%	9.07%
+ Hệ số Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần (%)	20.72%	38.08%

Trong cơ cấu Doanh thu – Lợi nhuận năm 2014 cũng đã ghi nhận sự chuyển biến tích cực theo đúng định hướng kinh doanh của Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng cho các năm tiếp theo. Các thị trường chiến lược mới, nhiều tiềm năng là Giao thông vận tải, An ninh quốc phòng đã tăng dần tỷ trọng và chiếm 45% doanh thu, mảng viễn thông giảm xuống chiếm 55% doanh thu.

Không chỉ thể hiện ở kết quả kinh doanh, năm 2014 còn là năm đánh dấu những bước đi quan trọng trong từng mảng thị trường kinh doanh chính của Elcom là Viễn thông, Giao thông vận tải và An ninh Quốc phòng bằng những hợp đồng, dự án lớn, quan trọng được triển khai và những công nghệ, sản phẩm mới, mang tính chiến lược đã được khẳng định.

CƠ CẤU DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2014



II. NHẬN ĐỊNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHUNG NĂM 2015

Nhìn từ những kết quả vĩ mô và diễn biến chung của nền kinh tế Việt Nam năm 2014 có thể nhận thấy dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế trong năm 2015 song bối cảnh kinh tế chung được nhận định vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức.

Với các doanh nghiệp công nghệ thông tin (CNTT), năm 2015 được đánh giá là năm có rất nhiều cơ hội khi Việt Nam sẽ tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN và nhiều hiệp định thương mại tự do khác. Vì vậy nhu cầu và xu thế đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các tổ chức, doanh nghiệp sẽ tăng mạnh. Bên cạnh đó, các đối tác nước ngoài, đặc biệt là đối tác ở những thị trường lớn như Nhật Bản, Mỹ, châu Âu tiếp tục coi Việt Nam có tiềm năng lớn về phần mềm và dịch vụ CNTT. Mặt khác, các doanh nghiệp CNTT đang đứng trước cơ hội rất lớn từ công nghệ S.M.A.C mang lại. S.M.A.C (Social – mạng xã hội, Mobile – di động, Analytic – phân tích dữ liệu lớn, Cloud – điện toán đám mây).

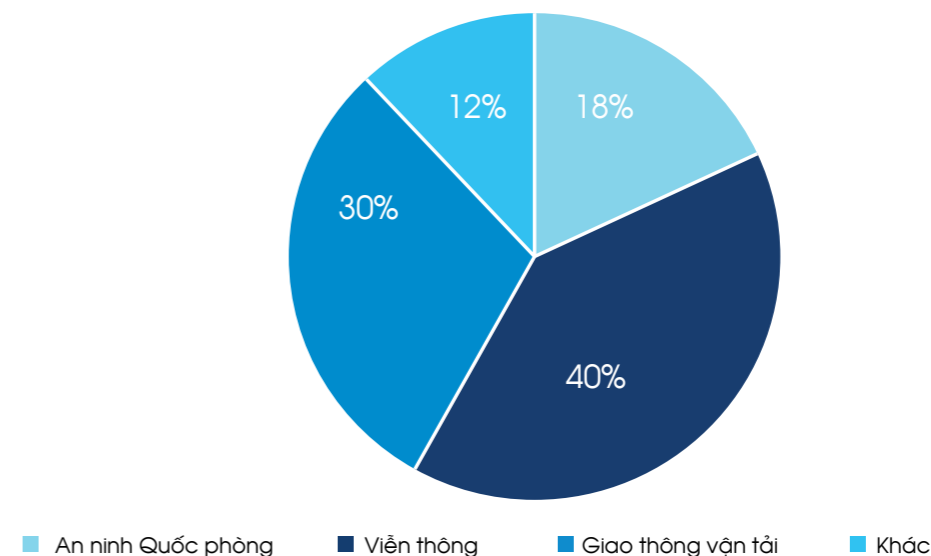
Trước bối cảnh kinh tế chung cùng với những triển vọng khá tích cực từ kết quả đã đạt được trong năm 2014 và từ những tiền đề, thế mạnh đã được

xây dựng và củng cố, Elcom đạt mục tiêu năm 2015 tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đón đầu và khai thác hiệu quả các cơ hội để tạo bức phá trong các mảng thị trường chiến lược đồng thời khai phá các mảng thị trường tiềm năng mới. Bên cạnh đó, Elcom xác định năm 2015 là năm duy trì con đường tăng trưởng nhưng ổn định, bền vững và thận trọng trong bối cảnh kinh tế chung phục hồi nhưng còn mong manh. Do đó phải tiếp tục duy trì song song 2 nhiệm vụ quan trọng là phát triển kinh doanh ổn định, bền vững và hoàn thiện tổ chức, quản lý sau tái cấu trúc để thực sự hiệu quả và phù hợp cho chiến lược của Công ty trong giai đoạn mới.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2015

Chỉ tiêu	Mục tiêu 2015
Doanh thu	688 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	76 tỷ

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2015



Tiếp nối sự chuyển dịch tích cực của cơ cấu doanh thu – lợi nhuận theo đúng định hướng đang diễn ra, năm 2015 Elcom tiếp tục thực hiện sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu từ các thị trường An ninh Quốc phòng và Giao thông vận tải, giảm dần tỷ trọng doanh thu từ mảng Viễn thông. Trong bối cảnh thị trường Viễn thông dần trở nên bão hòa, các thị trường mới có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển, việc nỗ lực đặt chân vào và dần chiếm lĩnh thị trường trong các lĩnh vực ngoài Viễn thông kể trên là một hướng đi thiết yếu đảm bảo cho sự phát triển bền vững của ELCOM. Dự kiến doanh thu trong mảng viễn thông sẽ điều chỉnh từ trên 55% trong năm 2014 xuống còn khoảng 40% trong năm 2015. Điều này không những có ý nghĩa đối với hoạt động kinh doanh của công ty nhằm mục tiêu phát triển bền vững mà còn mang lại nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, khi sản phẩm của trí tuệ Việt được sử dụng rộng rãi hơn trong đời sống Việt. Trên cơ sở đó, Ban điều hành công ty đã xác định các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2015, cụ thể như sau:

1. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất và kinh doanh có hiệu quả, khai thác thế mạnh vốn có và mở rộng, chiếm lĩnh các thị trường trọng điểm.

2. Củng cố và phát triển toàn diện nguồn nhân lực, coi con người là nguồn tài nguyên quan trọng nhất của tổ chức, hướng đến một tổ chức chuyên nghiệp, "thiện chiến".
3. Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức, hoàn thiện các chức năng của các đơn vị, bộ phận nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong sản xuất kinh doanh và vận hành doanh nghiệp.
4. Xây dựng các hệ thống và phương tiện quản trị chi phí có hiệu quả, góp phần nâng cao các chỉ số hiệu quả của công ty.
5. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông và marketing, góp phần xây dựng hình ảnh, khẳng định uy tín, vị thế của ELCOM trên thị trường và trong lòng đối tác, khách hàng.
6. Nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ, góp phần giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và vận hành, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.
7. Tiếp tục thực hiện tốt công tác công bố thông tin, duy trì và cập nhật thường xuyên tình hình quản trị và các hoạt động kinh doanh của công ty đối với các cổ đông, đối tác, và nhà đầu tư nhằm tăng cường sự hiểu biết và hợp tác.
8. Tích cực tham gia và thực hiện các trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG CHÍNH

AN NINH QUỐC PHÒNG

Năm 2014 là năm đánh dấu những bước đi lớn, quan trọng của Elcom trong mảng thị trường chiến lược An ninh Quốc phòng. Elcom đã khẳng định được uy tín, vị thế của mình trong thị trường An ninh Quốc phòng và trở thành đối tác tin cậy của các khách hàng lớn trong thị trường đầy tiềm năng nhưng khá "kén chọn" người chơi này, đặc biệt là với các doanh nghiệp ngoài ngành.

Với việc triển khai thành công dự án Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển sử dụng công nghệ LRIT đã khẳng định được các công nghệ Elcom đã nghiên cứu. Đây là thành công lớn, mở ra tiềm lực phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực giám sát bảo vệ an ninh an toàn quốc gia.

Không chỉ triển khai thành công các hợp đồng trong các mảng sản phẩm truyền thống, phát triển các dự án về đảm bảo an ninh, năm 2014 còn đánh dấu việc phát triển được các thị trường mới về an ninh năng lượng, thâm nhập vào thị trường Công nghiệp Bộ quốc phòng, Cung cấp giải pháp giám sát an ninh sản xuất, đặt chân vào các dự án cung cấp- chuyển giao công nghệ, nâng cấp dây chuyền một số nhà máy cho Bộ quốc phòng, mở ra các thị trường tiềm năng, các khách hàng trọng tâm mới. Đây là tiền đề quan trọng cho năm 2015 và các năm sau triển khai thêm nhiều dự án lớn trong các lĩnh vực mới này.

Với những thành công và đóng góp trong lĩnh vực An ninh Quốc phòng, năm 2014 Elcom đã nhận được bằng khen của Bộ tư lệnh Quân chủng Hải quân trao tặng dành cho tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ nắm tình hình trên biển thông qua việc hỗ trợ, cung cấp những sản phẩm, hệ thống phục vụ bảo vệ biển đảo lãnh hải của Việt Nam. Việc nhận bằng khen của một trong số những khách hàng lớn đã chứng tỏ vị trí, uy tín của Elcom và là động lực để Elcom tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong năm tiếp theo.

Với các kết quả quan trọng Elcom đã đạt được trong năm 2014 cùng với những tín hiệu khả quan về mặt thị trường khi mà các yêu cầu về giám sát an ninh an toàn được nâng cao để phục vụ công tác bảo vệ tổ quốc cũng như các yêu cầu bảo vệ an

ninh năng lượng cho các nhà máy sản xuất năng lượng của Việt Nam trở nên cấp thiết. Xu hướng hiện đại hóa công nghệ An ninh Quốc phòng tiếp tục tạo thuận lợi cho Elcom phát triển các giải pháp thế mạnh về an ninh công nghệ thông tin, an toàn năng lượng và các giải pháp phục vụ bảo vệ biển đảo, chủ quyền tổ quốc. Năm 2015 sẽ là một năm phát triển tốt hơn, thành công hơn trong mảng thị trường An ninh Quốc phòng. Các giải pháp đã được khẳng định trong năm 2014 sẽ tiếp tục được triển khai và mở rộng cho năm 2015. Ngoài ra các dự án giám sát về công nghệ thông tin, các dự án bảo vệ an ninh năng lượng cho các nhà máy, khu công nghiệp cũng sẽ triển khai trong 2015.

VIỄN THÔNG

Với ngành viễn thông, có thể nói 2014 là năm có nhiều thay đổi liên quan tới tái cấu trúc, thay đổi tổ chức, định hướng phát triển tại hai tập đoàn VNPT, Viettel ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của ba nhà mạng di động lớn là VMS, VNP và Viettel. Chính vì vậy các dự án, hợp đồng kinh doanh trong thị trường này của Elcom năm 2014 cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

Tuy nhiên, việc tiếp tục ký kết được các hợp đồng lớn như hợp đồng cung cấp hệ thống truyền dẫn Viba cho Mobifone với giá trị hơn 137 tỷ đồng đã tiếp tục khẳng định vị thế của Elcom trong mảng thị trường viễn thông truyền thống, cũng như mở ra tiếp các cơ hội mới trong mảng thiết bị truyền dẫn.

Các sản phẩm tiêu biểu cho Viễn thông của Elcom như MCA, CRBT,... tiếp tục khẳng định thương hiệu tại các nhà mạng di động của Việt Nam khi liên tiếp triển khai các hợp đồng nâng cấp hệ thống, hợp đồng cung cấp mới. Năm 2014 Elcom tiếp tục đưa sản phẩm của mình cung cấp ra thị trường di động nước ngoài thông qua việc triển khai sản phẩm CRBT ở các nước Burundi, Tanzania.

Một số dự án trong các lĩnh vực mới cũng đã ký kết hợp đồng và triển khai, tạo tiền đề cho việc tích lũy kinh nghiệm, khẳng định uy tín, chất lượng với khách hàng để chuẩn bị cho các dự án khác lớn hơn trong năm tới.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG CHÍNH

Bước sang năm 2015, các khách hàng truyền thống và trọng tâm của ELCOM sẽ thực hiện xong việc tái cấu trúc, ổn định tổ chức và các định hướng, kế hoạch kinh doanh. Do vậy, các dự án đầu tư mới sẽ được tập trung triển khai nhiều và cả những dự án bị trì hoãn từ năm trước cũng sẽ được đẩy nhanh trở lại. Đây sẽ là cơ hội lớn cho Elcom tạo những bước đột phá hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở lĩnh vực viễn thông so với các năm trước, đặc biệt khi mà Elcom đã có các bước chuẩn bị trước về sản phẩm, giải pháp phù hợp, tiếp cận, giới thiệu tới khách hàng trong những dự án lớn và quan trọng.

GIAO THÔNG VẬN TẢI

Năm 2014 là một năm hoạt động đầy sôi động và ấn tượng của mảng kinh doanh Giao thông vận tải với việc triển khai được những dự án có quy mô đầu tư lớn, trọng điểm và ứng dụng công nghệ hiện đại, tiêu điểm là dự án Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý hành hải tàu biển VTS Hải Phòng với tổng mức đầu tư hơn 175 tỷ đồng. Đây là hệ thống lớn nhất cả nước có công nghệ tiên tiến cập nhật nhất thế giới. Việc tiếp tục được ký kết dự án với giá trị hợp đồng lớn tiếp sau thành công của Hệ thống quản lý điều hành tàu biển VTS luồng Sài Gòn – Vũng tàu cho thấy sự hài lòng, tin tưởng của khách hàng, khẳng định vị thế của Elcom tại thị trường Giao thông biển, là tiền đề để Elcom phát huy khả năng, thế mạnh của mình khi hướng tới mảng thị trường tiềm năng mới là Giao thông vận tải.

Bên cạnh đó, việc triển khai cung cấp hệ thống VIM – hệ thống cân tải trọng cho 2 trạm mẫu của Bộ Giao thông vận tải trong năm 2014 đã mở ra cơ hội triển khai diện rộng trên toàn quốc cho hệ thống này trong năm 2015 và các năm tiếp theo. Elcom là đơn vị đầu tiên phát triển giải pháp cân tải trọng xe đã được Tổng cục đo lường Bộ Khoa học công nghệ cấp chứng nhận kiểm định. Mặt khác việc kiểm soát trọng tải xe đang là vấn đề trọng điểm ưu

tiên hàng đầu của Bộ Giao thông vận tải. Do vậy việc Elcom sẽ triển khai tiếp các dự án cung cấp hệ thống VIM trên toàn quốc trong thời gian sắp tới là hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát.

GTVT tiếp tục là lĩnh vực được nhà nước quan tâm đặc biệt và thu hút được nhiều sự đầu tư cả trong và ngoài nước. Với chủ trương xã hội hoá đầu tư, các dự án giao thông sử dụng ngân sách nhà nước sẽ ít dần đi thay vào đó là hình thức kêu gọi xã hội hoá đầu tư phát triển rất mạnh trong những năm gần đây. Nhu cầu về ứng dụng công nghệ cao trong quản lý điều hành giao thông, kiểm soát tải trọng, giao thông thông minh,... trở nên cấp thiết. Với kinh nghiệm và thế mạnh đã được khẳng định qua các dự án, hợp đồng lớn cùng với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về sản phẩm, giải pháp, khả năng tích hợp và làm chủ công nghệ nước ngoài áp dụng vào bài toán thực tiễn tại Việt Nam, trong năm 2015 và các năm tiếp Elcom sẽ tiếp tục đạt được những thành công hơn nữa trong thị trường này.

Năm 2015, Elcom sẽ phát triển mạnh mảng giao thông đường bộ trong đó đẩy mạnh các dự án VIM với lợi thế về công nghệ, sản phẩm và sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ năm trước; Tiếp tục phát triển mảng giao thông biển với lợi thế đang là đơn vị cung cấp cả 2 hệ thống VTS hiện có ở Việt Nam; Tham gia sâu hơn trong các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực GTVT.

KHÁC

Năm 2014, cũng là năm đánh dấu các bước ngoặt lớn, chứng minh sản phẩm và giải pháp của Elcom có thể cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của nước ngoài thông qua việc ký kết và triển khai thành công một số sản phẩm tiêu biểu của Elcom ở thị trường nước ngoài. Elcom lần đầu tiên ký hợp đồng cung cấp eHotel – giải pháp truyền hình giải trí mang đến nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách sạn/resort ra thị trường nước ngoài. Dự án này mang lại giá trị thương hiệu lớn cho eHotel trên lịch vực dịch vụ

không chỉ ở thị trường trong nước mà cả thị trường nước ngoài, đồng thời chứng minh khả năng cạnh tranh của sản phẩm và giải pháp của Elcom. Trong lĩnh vực viễn thông, sản phẩm CRBT tiếp tục được Elcom cung cấp ra thị trường di động nước ngoài thông qua việc triển khai thành công ở các nước Burundi, Tanzania.

Ngoài các mảng thị trường chiến lược mà Elcom đang dần đặt chân và chiếm lĩnh, năm 2015 Elcom cũng đã có những định hướng, chiến lược cụ thể để tiếp cận, khai thác và phát triển mảng thị trường tiềm năng mới - thị trường Chính phủ. Được đánh giá là một thị trường tiềm năng từ những ưu tiên của Chính phủ nhằm nâng cao đời sống người dân, đặc biệt thông qua kêu gọi các nguồn vốn xã hội hoá, hỗ trợ viện trợ từ các đối tác nước ngoài. Bên cạnh đó, xu thế ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành như y tế, giáo dục, các dịch vụ công,... ngày càng phát triển. Chính phủ có những chương trình và mục tiêu quốc gia trong việc phát triển công nghệ cao đến năm 2020.. Với lợi thế về công nghệ, kinh nghiệm, con người và vốn, Elcom sẽ tập trung khai thác các dự án quy mô lớn, các giải pháp kỹ thuật công nghệ cao, các bài toán tổng thể trên diện rộng trong mảng thị trường dịch vụ công hướng tới các ngành được ưu tiên như dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp nông thôn, xử lý nước thải,...



HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH

Với việc mở rộng, đa dạng hóa các lĩnh vực, hình thức sản xuất kinh doanh, ELCOM nhận thức rõ nét những cơ hội lẫn thách thức của mình trong việc vận hành, kết nối các công đoạn của trực sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng mong đợi. Vì vậy, trong công tác phát triển tổ chức năm 2014, công ty đặc biệt chú trọng việc hoạch định lại các chức năng chuyên môn và phương thức phối hợp nội bộ hiệu quả vừa để phát huy thế mạnh của từng nhóm chuyên môn lẫn gia tăng tính năng động, sáng tạo của từng cá nhân. Có thể thấy điều này rõ nét bằng việc quy hoạch lại các đơn vị kinh doanh, phát triển kinh doanh giải pháp; phân tách khối trực tiếp sản xuất thành các đơn vị, phòng ban chuyên biệt hơn như là thành lập công ty ELCOM Plus, dự án thành lập công ty giải pháp phần mềm 2. Mục đích để vừa tập trung nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thống đồng thời tạo cơ chế thông thoáng cho nhóm sản phẩm mới được xuất xưởng và triển khai thành công. Song song với việc này là chính sách phát triển nguồn lực – con người theo phương châm “Phát huy nguồn lực nội tại, gia tăng nguồn lực mới chất lượng cao từ bên ngoài” và “mạnh dạn chuyển giao hoạt động điều hành, thực thi cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý kế cận”. Với định hướng này, ELCOM đã thực hiện công tác tuyển dụng, luân chuyển cán bộ, đào tạo phát triển, thăng tiến hết sức mạnh mẽ. Điển hình là việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo đơn vị, quản lý bộ phận cho 15 cán bộ và tuyển mới 74 nhân sự mới trong năm 2014. Đi theo đó là hàng loạt những quyết định phân cấp phân quyền rõ rệt để tạo hành lang thông thoáng cho đội ngũ kế cận mới có thể phát huy tốt tài năng và vai trò của mình. ELCOM cũng đang thực hiện dự án hệ thống cấp bậc công việc. Đây được coi là công tác bản lề cho rất nhiều hoạt động quản trị của tổ chức như gia tăng hiệu suất, đánh giá năng lực, phát triển nhân tài... của Công ty trong các năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, việc thành lập phòng quản trị công nghệ thông tin nằm trong khối vận hành của công ty cũng cho thấy những bước đi cụ thể nhằm đưa ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin

vào công tác quản trị nội bộ, giúp cán bộ nhân viên công ty giảm thiểu thời gian cho các công đoạn kiểm soát công việc, quản lý thời gian làm việc... cùng với việc nâng cao tính bảo mật của các hệ thống nội bộ hay đảm bảo các thiết bị IT - công cụ làm việc của cán bộ nhân viên được liên tục nâng cấp chất lượng đáp ứng nhu cầu công việc.

Đối với các hoạt động cải tiến văn hóa – môi trường làm việc, ELCOM còn thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại cần khắc phục thông qua việc định vị những “vi-rút có hại” về tác phong, thái độ làm việc gây cản trở cho quá trình phát triển của công ty, từ đó làm lan tỏa, phát triển sức mạnh nội tại, đó là những nét văn hóa và phẩm chất đáng tự hào của Người ELCOM để bài trừ “vi rút” thông qua các hoạt động phong trào hoặc hành động cụ thể. Năm 2014 không khí làm việc tại ELCOM cũng được thổi một luồng gió mới tươi trẻ hơn bởi sự gia nhập của rất nhiều thành viên năng động, nhiệt huyết. Chính họ đã góp phần không nhỏ để củng cố nét văn hóa gắn kết như một đại gia đình tại đây. Cùng với đó là việc gia tăng chất lượng dịch vụ nội bộ hướng tới mục tiêu tiện lợi, chuyên nghiệp và thân thiện như đảm bảo thực hiện nghiêm túc các nội quy làm việc, cải tiến dịch vụ ăn trưa, quầy bar, xe cộ, tăng thời gian và chất lượng cung cấp các công cụ làm việc như máy tính, điện thoại... Để cán bộ nhân viên công ty thực sự yên tâm công tác và sáng tạo nên những sản phẩm, dịch vụ mới.

Năm 2015, chặng đường đổi mới của ELCOM để chinh phục những đỉnh cao thành công tiếp theo vẫn sẽ còn tiếp tục. Để chuẩn bị cho điều đó, cuộc đua Speed Up cán đích mục tiêu sản xuất 2014 và “chương trình lập kế hoạch để thành công cho năm 2015” đã được diễn ra vào tháng 12 năm 2014 như là một bước chuẩn bị, khởi động để đương đầu với những thách thức mới và gặt hái thành công của ELCOM trong các năm tiếp theo.





ĐỊNH HƯỚNG CHẤT LƯỢNG

Trong những năm gần đây, một trong những mục tiêu quan trọng của ELCOM là nâng cao năng lực và hiệu quả của hệ thống quản trị mà trong đó hệ thống quản lý chất lượng (HT QLCL) được coi như ưu tiên hàng đầu. Qua đó ổn định và đáp ứng xu thế hoạt động sản xuất kinh doanh (SX-KD) của công ty trong thời kỳ mới.

Xét trên khía cạnh chất lượng, tiền đề để tạo ra các sản phẩm công nghệ đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng đòi hỏi sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt, nhất quán giữa các bộ phận. Quá trình bao gồm từ Kinh doanh, Giải pháp Công nghệ, Phát triển cho tới Triển khai. Đây chính là yêu cầu được thể hiện trong các Quy định/Quy trình (QĐ/QT) của HT QLCL ISO 9001:2008 áp dụng từ 2004 tại ELCOM để chuẩn hóa việc thực hiện, kiểm soát và cải tiến các hoạt động nghiệp vụ. Các QĐ/QT hiện nay được chú trọng cải tiến theo hướng nắm bắt và cập nhật kịp thời các yêu cầu của khách hàng, bám sát vào hiệu quả hoạt động nghiệp vụ song song với việc nhận biết, giảm thiểu, phòng ngừa các lãng phí, rủi ro có thể gây nên tổn thất về nguồn lực. Bên cạnh đó, việc "mapping" các QĐ/QT theo mô hình quản trị dự án và việc ELCOM đưa tiêu chuẩn CMMI/Agile vào hoạt động phát triển phần mềm cũng là một hướng đi để thích ứng linh hoạt với các loại hình dự án khác nhau nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Như vậy, sau hơn 10 năm áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001, HT QLCL ELCOM đã có những thay đổi về chất, hỗ trợ tốt và sâu hơn cho mục tiêu kinh doanh của công ty. Trong thời gian tới, ELCOM sẽ bắt tay vào việc thực hiện việc chuyển đổi HT QLCL theo phiên bản mới ISO 9001:2015 tập trung vào quản trị rủi ro và nâng cao hiệu suất làm việc. Bên cạnh ISO 9001, ELCOM đã triển khai hệ thống An toàn Bảo mật Thông tin (ISMS) theo ISO 27001:2013 từ cuối 2013. Đây là một hệ thống giúp cho thông tin đầu vào phục vụ SX-KD được bảo mật, chính xác, đồng bộ và luôn sẵn có. Hiện Ban QLCL đã tích hợp chung một số QĐ/QT của hai tiêu chuẩn để hệ thống được tinh gọn hơn.

Để hướng tới sự chuyên nghiệp trong công việc, ELCOM đang nỗ lực hết mình để "bứt phá" trong việc xây dựng và kiểm soát hệ thống tiêu chuẩn chất lượng trên toàn công ty. Nếu coi chất lượng con người, chất lượng dự án/sản phẩm là yếu tố đem lại các khách hàng trung thành thì xa hơn, việc xây dựng văn hóa chất lượng cho toàn ELCOM chính là một trong những nền tảng để công ty có thể phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của khách hàng và xã hội. Đó chính là thông điệp chất lượng mà ELCOM muốn gửi tới các khách hàng, các đối tác, các cổ đông và các bên hữu quan.





CÁC BÁO CÁO QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

39
42

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả kinh doanh

So với năm 2013, kết quả kinh doanh của năm 2014 Công ty đã có những chuyển biến rất tích cực với kết quả lợi nhuận sau thuế TNDN tăng khoảng 93% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt xấp xỉ 62 tỷ, về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN mà Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã thông qua. Điều này ghi nhận những nỗ lực hết mình của của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty, đặc biệt trong giai đoạn nước rút cuối năm 2014 nhằm hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông năm 2014 đã giao phó.

Mặc dù kết quả doanh thu năm 2014 chỉ đạt 330 tỷ, không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu đã đề ra đầu năm nhưng xét một cách toàn diện, kết quả kinh doanh cho thấy Công ty đã bước qua giai đoạn khó khăn nhất và đã có những bước đi phù hợp. Các mảng kinh doanh trọng điểm gắn với các thị trường chính như viễn thông, giao thông vận tải, an ninh quốc phòng, chính phủ ... đều gặt hái những thành công quan trọng với những dự án lớn hàng trăm tỷ góp phần tạo nên kết quả doanh thu và lợi nhuận năm 2014 cũng như tạo bản lề để phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh năm 2015. Bên cạnh các khách hàng truyền thống trong lĩnh vực viễn thông trước đây, Công ty đã chinh phục thêm những khách hàng mới trong các thị trường khác như giao thông vận tải, an ninh quốc phòng...

Trên cơ sở kết quả kinh doanh đã đạt được năm 2014 Hội đồng quản trị đã tiến hành triển khai chi trả tạm ứng cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2014 là 12% (tỷ lệ cổ tức tăng 50% so với năm 2013).

2. Tổ chức nhân sự:

Trong năm 2014 Công ty cũng thực hiện tiến trình tổ chức mạnh mẽ lại nguồn lực (tái cấu trúc) nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty. Việc phát triển tổ chức theo mô hình mới, tiến hành điều chỉnh tổng thể cơ cấu phòng ban, bộ phận, kiện toàn tổ chức khối sản xuất phần mềm để đảm bảo nguồn lực được phát huy hiệu quả tối đa cho quá trình sản xuất kinh doanh đã bước đầu đạt được những thành công nhất định.

Về nhân sự, với mục tiêu bồi dưỡng, hình thành đội ngũ lãnh đạo kế cận trong giai đoạn phát triển mới, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Phạm Minh Thắng giữ chức vụ Giám đốc công ty TNHH giải pháp phần mềm ELCOM thay thế ông Trần Hùng Giang. Đồng thời hàng loạt cán bộ tiềm năng cũng được bổ nhiệm, đào tạo để sẵn sàng chuẩn bị nguồn lực nòng cốt phục vụ cho các mục tiêu tăng trưởng vượt bậc trong thời gian sắp tới.

Nhìn chung, tình hình hoạt động năm 2014 có một số dấu hiệu khá lạc quan đánh dấu việc Công ty đã và đang từng bước vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh và hướng tới tốc độ tăng trưởng bền vững cho các năm tiếp theo.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

1. Thông tin về thành viên HĐQT

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm là 7 người, chi tiết như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Chú thích
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
6	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Được bầu ngày 23/04/2014
7	Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	Được bầu ngày 23/04/2014

Trong năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm hai (02) Thành viên HĐQT là ông Nguyễn Thanh Sơn và ông Nguyễn Đức Nghĩa và bầu bổ sung thêm hai (02) thành viên HĐQT là bà Lê Thị Lệ Hằng, chức danh: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI và ông Nguyễn Khắc Hải, chức danh: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI. Các thành viên HĐQT mới đã giúp HĐQT tăng cường khả năng quản lý đầu tư, tài chính cũng như quản trị nội bộ.

2. Hoạt động của HĐQT và các tiểu ban

2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2014 HĐQT đã tiến hành chỉ đạo và giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã giao, đồng thời xây dựng định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững trong những năm tới. Để ban hành những quyết sách kịp thời, đúng đắn đối với Ban điều hành, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	5	100	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	5	100	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	5	100	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	5	100	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	5	100	
6	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	1	20	Miễn nhiệm ngày 23/04/2014
7	Ông Nguyễn Đức Nghĩa	Thành viên	1	20	Miễn nhiệm ngày 23/04/2014
8	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	4	80	Được bầu ngày 23/04/2014
9	Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	4	80	Được bầu ngày 23/04/2014

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2014 ngày 22/01/2015.

2.2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai đúng đắn các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 cũng như của HĐQT để mang lại kết quả kinh doanh khả quan trong năm vừa qua. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đồng thời cũng ghi nhận những nỗ lực hết mình của đội ngũ lãnh đạo Công ty trong việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao phó.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận triển khai và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

- HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2013 (tỷ lệ 8%) cho các cổ đông; Chỉ đạo giám sát việc thực hiện phát hành, lưu ký, niêm yết bổ sung 600.000 cổ phiếu ESOP (giai đoạn 2013 – 2016) cho người lao động năm 2014 theo Nghị quyết của ĐHCĐ.

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết/quyết định của HĐQT và tiến hành báo cáo kết quả thực hiện các chủ trương của HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời, chi tiết.

- Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các thành viên đồng thời vẫn đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ trong công tác điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản lý

2.3. Hoạt động của các tiểu ban

Ngày 13/05/2014, Hội đồng quản trị đã thông qua việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, bao gồm:

- Tiểu ban chính sách phát triển chịu trách nhiệm nghiên cứu, đưa ra định hướng về chính sách phát triển, cơ cấu tổ chức, mô hình sở hữu, mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các công ty thành viên; Đề xuất và tổ chức, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc Công ty; Xây dựng hệ thống Quy chế, quy định quản trị nội bộ Công ty...

- Tiểu ban tài chính đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, điều phối và giám sát nguồn vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của công ty; Đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả, tăng cường kiểm soát tình hình tài chính Công ty; Thực hiện quản lý, giám sát và chỉ đạo hoạt động đầu tư của Công ty.

- Tiểu ban nhân sự và lương thưởng chịu trách nhiệm đưa ra định hướng, đề xuất cải cách về các chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương thưởng; cơ chế thưởng cho Bộ máy điều hành; Tham mưu, đề cử, đề xuất bổ nhiệm nhân sự có đủ năng lực, trình độ chuyên môn và các chức danh quản lý của Công ty; đồng thời đề xuất cho thôi việc hoặc bãi nhiệm các cán bộ quản lý không đạt yêu cầu.

3. Thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 như sau:

- Đối với thu nhập của các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức danh điều hành mức chi trả thù lao là 5 triệu đồng/thành viên/tháng.

- Đối với thu nhập của các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành sẽ chi trả cho các vị trí điều hành đó từ nguồn chi phí theo kế hoạch kinh doanh năm 2014.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo qui định tại Điều lệ công ty, trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành họp và triển khai các công việc với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát. Các công việc Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Ban kiểm soát cử đại diện tham dự và đóng góp ý kiến tại tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2014 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các qui định của Pháp luật.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính các Quý và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Xem xét Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết, công ty góp vốn dài hạn để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của Pháp luật, bao gồm nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- Trong năm 2014, HĐQT đã triệu tập và tổ chức các cuộc họp bàn về định hướng sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra theo đúng các qui định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty đảm bảo lợi ích của hợp pháp của Công ty và cổ đông.
- Tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014, Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2014.
- Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kinh tế đã được ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Mặc dù không hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, nhưng trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thì việc đạt lợi nhuận sau thuế 61,8 tỷ trong năm 2014 (so với kế hoạch 62 tỷ đồng) là sự cố gắng rất lớn của Ban Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc thường xuyên chỉ đạo công tác các phòng ban chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Công ty đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật.
- Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo qui định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán và đưa ra báo cáo với ý kiến chấp thuận. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 như sau:

- Về kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần:	330.621.604.296 đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế:	64.374.581.365 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	61.829.052.127 đồng

(Trong đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 64.099.309.953 đồng)

Như vậy, mặc dù chỉ tiêu doanh thu không đạt so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 99,7% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

- Về tài sản của Công ty:

Tài sản ngắn hạn:	700.222.849.925 đồng
Tài sản dài hạn:	387.979.897.863 đồng
Tổng tài sản:	1.088.202.747.788 đồng
Tổng nợ vay (ngắn hạn & dài hạn):	388.713.047.048 đồng
Vốn chủ sở hữu:	681.894.449.316 đồng
Lợi ích của cổ đông thiểu số:	17.595.251.424 đồng

IV. Về thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Việc chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2014 được căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Tổng thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát: 117.000.000 đồng

Các chi phí khác: BKS tự chi trả

V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

Năm 2014, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

VI. Kiến nghị và kết luận:

Các hoạt động của Công ty năm qua đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công ty cần chú trọng giám sát và quản lý hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết để đảm bảo hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn của Công ty.

IV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014

45

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



EY
Building a better
working world

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 61

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 2 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	
Ông Võ Quang Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

3



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam
Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61141397/17157893-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

A member firm of Ernst & Young Global Limited



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



La Quy Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		700.222.849.925	606.647.829.073
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	54.385.152.551	102.431.720.910
111	1. Tiền		43.232.892.565	17.423.220.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.152.259.986	85.008.500.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	19.271.543.907	3.439.996.983
121	1. Đầu tư ngắn hạn		22.234.215.740	6.402.715.740
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.962.671.833)	(2.962.718.757)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		478.713.890.549	392.468.530.154
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	397.427.735.291	322.737.290.557
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	47.372.446.601	29.442.169.423
135	3. Các khoản phải thu khác	7	36.951.094.197	65.541.735.332
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(3.047.385.540)	(25.252.665.158)
140	IV. Hàng tồn kho	8	113.006.519.776	81.946.470.507
141	1. Hàng tồn kho		113.006.519.776	81.946.470.507
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.845.743.142	26.361.110.519
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		666.394.101	442.445.478
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.477.613.928	5.422.858.233
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	23.701.735.113	20.495.806.808
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		387.979.897.863	342.887.010.446
220	I. Tài sản cố định		221.370.126.138	186.780.148.603
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	163.124.460.128	126.210.838.254
222	Nguyên giá		206.068.607.800	163.834.944.311
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.944.147.672)	(37.624.106.057)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	11.025.610.093	14.939.976.271
228	Nguyên giá		21.937.393.457	24.492.380.384
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.911.783.364)	(9.552.404.113)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	47.220.055.917	45.629.334.078
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	138.574.259.059	129.721.650.359
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		13.249.150.784	19.381.626.801
258	2. Đầu tư dài hạn khác		144.403.982.001	121.403.186.137
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.078.873.726)	(11.063.162.579)
260	III. Tài sản dài hạn khác		21.563.732.666	17.756.171.484
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	18.400.692.016	16.547.912.101
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	2.226.830.650	833.399.383
268	3. Tài sản dài hạn khác		936.210.000	374.860.000
269	C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	15	6.471.780.000	8.629.040.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.088.202.747.788	949.534.839.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		388.713.047.048	296.877.056.431
310	I. Nợ ngắn hạn		345.776.090.920	286.950.517.692
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	74.094.827.699	81.591.738.221
312	2. Phải trả người bán	17.1	181.699.236.511	158.747.339.883
313	3. Người mua trả tiền trước	17.2	31.025.834.445	5.473.419.596
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	12.434.591.049	8.156.850.684
315	5. Phải trả người lao động		9.541.979.248	978.281.826
316	6. Chi phí phải trả	19	2.543.855.785	1.823.038.890
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	28.899.742.028	17.886.676.961
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22.1	2.830.487.978	8.338.331.154
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.705.536.177	3.954.836.477
330	II. Nợ dài hạn		42.936.956.128	9.926.538.739
334	1. Vay và nợ dài hạn	21	33.290.524.217	-
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22.2	4.644.406.991	4.522.565.776
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		5.002.024.920	2.809.823.993
339	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	2.594.148.970
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		681.894.449.316	645.956.973.838
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	681.894.449.316	645.956.973.838
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		379.399.090.000	373.399.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		118.432.900.000	117.832.900.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(71.500.000)	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		20.584.145.194	19.084.145.194
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		15.517.195.346	14.017.195.346
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142.832.618.776	116.423.643.298
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	24	17.595.251.424	6.700.809.250
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.088.202.747.788	949.534.839.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	1.561.325.473	1.561.325.473
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	12.003	147.640
- Đồng EURO (EUR)	-	20.597


 Người lập
 Chu Hồng Hạnh


 Kế toán trưởng
 Đặng Thị Thanh Minh


 Tổng Giám đốc
 Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	330.621.604.296	418.706.908.180
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	330.621.604.296	418.706.908.180
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(204.708.309.379)	(331.959.555.193)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.913.294.917	86.747.352.987
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	17.012.475.184	38.335.472.317
22	6. Chi phí tài chính	27	(14.652.061.043)	(10.016.103.075)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.164.084.873)	(3.365.538.460)
24	7. Chi phí bán hàng		(14.060.374.448)	(7.111.415.459)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(48.280.095.658)	(69.850.961.929)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.933.238.952	38.104.344.841
31	10. Thu nhập khác	28	10.220.204.271	1.403.304.513
32	11. Chi phí khác	28	(13.384.793.116)	(1.839.729.679)
40	12. Lỗ khác	28	(3.164.588.845)	(436.425.166)
45	13. Phần lãi từ công ty liên kết	13.1	1.605.931.258	315.261.153
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		64.374.581.365	37.983.180.828
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(3.938.960.504)	(6.713.185.020)
52	16. Thu nhập thuế hoãn lại	30.3	1.393.431.266	700.606.982
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		61.829.052.127	31.970.602.790
61	Trong đó:			
	Lỗ thuộc về các cổ đông thiểu số	24	(2.270.257.826)	(657.697.587)
62	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	23.1	64.099.309.953	32.628.300.377

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu Trong đó: Lãi cơ bản Lãi suy giảm	32	1.694 1.694	889 889


 Người lập
Chu Hồng Hạnh


 Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh


 Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		295.320.604.967	379.009.284.636
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(221.087.473.669)	(389.091.178.099)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(62.098.934.769)	(62.356.143.708)
04	Tiền chi trả lãi		(6.295.127.904)	(3.282.769.877)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	30.2	(2.948.950.727)	(3.713.064.527)
06	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		32.728.526.701	10.019.980.485
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(47.744.334.332)	(37.684.908.471)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(12.125.689.733)	(107.098.799.561)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(67.487.591.191)	(44.210.589.957)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.476.276.273	1.294.717.509
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(21.130.000.000)	(1.230.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.438.500.000	13.510.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(19.552.300.000)	(32.687.464.230)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		14.234.404.136	10.558.376.417
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.138.112.042	47.893.834.325
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(63.882.598.740)	(4.871.125.946)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		31.817.000.000	7.150.000.000
	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		13.164.700.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(71.500.000)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		154.439.516.646	107.477.127.587
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(128.895.509.858)	(27.249.259.566)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.329.579.922)	(64.345.400.506)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		27.959.926.866	23.032.467.515


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TE HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(48.048.361.607)	(88.937.457.992)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		102.431.720.910	190.775.617.279
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		1.793.248	593.561.623
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	54.385.152.551	102.431.720.910


 Người lập
 Chu Hồng Hạnh


 Kế toán trưởng
 Đặng Thị Thanh Minh


 Tổng Giám đốc
 Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101435127, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 2 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 397 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 212).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
3	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom (I)	100%	100%	Tại thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	lợi nhuận	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (ii)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc (iii)	59,23%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học.
6	Công ty Cổ phần Elcom Plus (iv)	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
7	Công ty TNHH VTS Hải Phòng (v)	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413041000048 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011, Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 100% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này chưa đi vào hoạt động.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106518955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đang thực hiện dự án Quỹ thành thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ngày 14 tháng 4 năm 2014 và Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0106659610 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 10 năm 2014, Công ty Cổ phần Elcom Plus được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (v) Đây là công ty con mới thành lập trong năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106645015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không đánh cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con là Việt Nam Đồng ("VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn lao động trực tiếp chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

Các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát

Khi Công ty mua lại lợi ích của các cổ đông thiểu số trong một công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua được trình bày là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần quyền sở hữu trong một công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã bán được ghi nhận là một khoản lãi hoặc lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của các công ty liên kết và đầu tư được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi số của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi số của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty và các công ty con quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty và các công ty con xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Tiền mặt	699.735.756	895.297.072
Tiền gửi ngân hàng	42.533.156.809	16.527.923.838
Các khoản tương đương tiền (*)	11.152.259.986	85.008.500.000
	54.385.152.551	102.431.720.910

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (i)	4.414.215.740	4.414.215.740
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	6.820.000.000	-
Các khoản cho vay khác (iii)	6.000.000.000	1.988.500.000
Các khoản cho bên liên quan vay (iv)	5.000.000.000	-
	22.234.215.740	6.402.715.740
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.962.671.833)	(2.962.718.757)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào cổ phiếu ngắn hạn được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	6.819	67.295.740	6.621	67.295.740
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	140.771	4.346.920.000	140.771	4.346.920.000
		4.414.215.740		4.414.215.740

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm với lãi suất 7,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

(iii) Bao gồm các khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm.

(iv) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 14%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	397.264.535.291	308.767.427.296
Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	163.200.000	13.969.863.261
	397.427.735.291	322.737.290.557
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.506.960.540)	(3.826.167.753)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Trả trước cho người bán	34.372.446.601	15.005.594.423
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	13.000.000.000	14.436.575.000
	47.372.446.601	29.442.169.423

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (ii)	-	14.799.200.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nam Sơn (ii)	-	12.186.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương	1.535.736.137	1.971.029.957
Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	1.600.000.000
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.057.777.778	357.777.778
Phải thu Công ty Liên doanh Khai thác mỏ Đông Dương Xanh	100.000.000	500.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	260.000.000	461.636.000
Phải thu hàng mượn thử nghiệm (iii)	7.708.748.659	9.533.402.464
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	2.548.010.366
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	3.148.000.000	3.648.000.000
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	2.005.750.000
Phải thu Ông Đặng Tùng Anh	2.040.125.000	1.700.000.000
Phải thu Bà Phan Thị Thủy Dung	1.296.455.556	1.100.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	7.460.490.701	5.130.928.767
	36.961.094.197	65.541.735.332

Trong đó:

Phải thu khác	35.876.231.778	63.583.957.554
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.084.862.419	1.957.777.778
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.540.425.000)	(21.426.497.405)

(i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

(ii) Công ty đã thỏa thuận với các công ty này để chuyển đổi các khoản phải thu nêu trên thành vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Trung Văn (xem Thuyết minh số 13.2).

(iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Nguyên vật liệu	2.513.128.986	828.681.198
Công cụ, dụng cụ	1.046.947.948	1.150.361.809
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.888.973.538	46.232.710.735
Thành phẩm	2.886.629.568	4.226.245.161
Hàng hóa	24.670.839.736	29.508.471.604
	113.006.519.776	81.946.470.507

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Tạm ứng cho nhân viên	9.083.148.572	10.869.928.690
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	14.618.586.541	9.625.878.118
	23.701.735.113	20.495.806.808

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện các hợp đồng nhập khẩu thiết bị.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm (Trình bày lại)	78.516.614.057	43.167.430.506	26.347.107.883	15.520.174.652	283.617.213	163.834.944.311
- Mua trong năm	-	61.229.712.780	-	402.506.273	95.090.869	61.727.309.922
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.020.080.459	277.812.500	-	766.615.604	-	2.064.508.563
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.721.693.227)	(2.711.534.495)	(100.200.000)	-	(21.533.427.722)
- Giảm khác	-	-	-	(24.727.274)	-	(24.727.274)
Số cuối năm	79.536.694.516	85.953.262.559	23.635.573.388	16.564.369.255	378.708.082	206.068.607.800
Trong đó:						
Đã hết khấu hao	-	-	2.746.602.331	-	-	2.746.602.331
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm (Trình bày lại)	4.374.470.074	15.810.493.529	14.759.364.932	2.592.825.135	86.952.387	37.624.106.057
- Khấu hao trong năm	3.313.386.820	13.514.072.548	4.085.813.501	2.675.208.457	45.582.043	23.634.063.369
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.564.363.865)	(2.711.534.495)	(25.050.006)	-	(18.300.948.366)
- Giảm khác	-	-	-	(13.073.388)	-	(13.073.388)
Số cuối năm	7.687.856.894	13.760.202.212	16.133.643.938	5.229.910.198	132.534.430	42.944.147.672
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	74.142.143.983	27.356.936.977	11.587.742.951	12.927.349.517	196.664.826	126.210.838.254
Số cuối năm	71.848.837.622	72.193.060.347	7.501.929.450	11.334.459.057	246.173.652	163.124.460.128
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 16)	1.392.657.143	-	4.117.102.195	-	-	5.509.959.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá:	Quyền sử dụng đất (*)	Quyền thăm dò khai thác (**)	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VNĐ	
						Tổng cộng	
Số đầu năm (Trình bày lại)	9.600.100.000	11.100.000.000	175.238.095	3.617.042.289	-	24.492.380.384	
Mua trong năm	-	-	-	7.990.530.406	43.039.881	8.033.570.287	
Thanh lý, nhượng bán	(7.100.100.000)	-	(175.238.095)	(813.219.119)	-	(8.088.557.214)	
Giảm khác (***)	(2.500.000.000)	-	-	-	-	(2.500.000.000)	
Số cuối năm	-	11.100.000.000	-	10.794.353.576	43.039.881	21.937.393.457	
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Số đầu năm (Trình bày lại)	1.259.533.324	6.320.833.333	146.031.747	1.826.005.709	-	9.552.404.113	
Khấu trừ trong năm	238.295.830	1.850.000.000	29.206.339	1.366.846.836	5.021.318	3.489.370.323	
Thanh lý, nhượng bán	(831.162.500)	-	(175.238.086)	(456.923.832)	-	(1.463.324.418)	
Giảm khác (***)	(666.666.654)	-	-	-	-	(666.666.654)	
Số cuối năm	-	8.170.833.333	-	2.735.928.713	5.021.318	10.911.783.364	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm (Trình bày lại)	8.340.566.676	4.779.166.667	29.206.348	1.791.036.580	-	14.939.976.271	
Số cuối năm	-	2.929.166.667	-	8.058.424.863	38.018.563	11.025.610.093	

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH953096 cấp năm 2009, với giá trị là 7,1 tỷ đồng. Giá trị này chủ yếu bao gồm tiền thuê đất, thuế và các chi phí trước khác.

Theo Quyết định số 1845/QĐ - UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 27 tháng 6 năm 2012, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã công bố về việc thu hồi quyền sử dụng đất nêu trên, đồng thời giá trị tài sản trên đất sẽ được đền bù theo đơn giá được áp dụng của UBND tỉnh Hà Tĩnh với giá trị 1,1 tỷ đồng. Ngoài ra, theo Quyết định số 2855/QĐ - UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 16 tháng 9 năm 2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định hoàn trả 1,089 tỷ đồng tiền thuê đất cho Công ty.

Công ty đã thực hiện theo quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Tĩnh và đã tiến hành bán giao lại lô đất này cho UBND tỉnh Hà Tĩnh và ghi giảm giá trị tài sản này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

(**) Đây là quyền thăm dò khai thác mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 2523/GP-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Quyền khai thác thăm dò này phát sinh từ việc Công ty mua và nắm quyền kiểm soát đối với công ty con này.

(***) Trong năm, Công ty đã phân loại lại quyền sử dụng đất không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản sang chi phí trả trước dài hạn.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Dự án Thanh Trì (*)	32.564.011.612	32.564.011.612
Dự án khai thác mỏ đồng Nà Pi (**)	11.882.303.314	10.698.792.710
Xây dựng hệ thống phòng sạch	1.368.873.980	1.368.873.980
Dự án Công nghệ vật liệu mới	679.722.491	655.863.891
Dự án Từ Liêm	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	478.542.635	95.190.000
	47.220.055.917	45.629.334.078

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Công ty đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Công văn số 4119/UBND-KH&ĐT ngày 13 tháng 5 năm 2009 về việc cho phép Công ty nghiên cứu lập và triển khai dự án này theo phương thức tự thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự án hiện vẫn trong giai đoạn xin cấp phép quy hoạch mới.

(**) Đây là dự án khai thác quặng đồng tại Khuổi Kim - Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn do công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn thực hiện. Chi phí của Dự án chủ yếu liên quan đến các chi phí ban đầu để thăm dò, khai thác thử nghiệm quặng đồng và chi phí triển khai dự án.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
		Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	13.249.150.784	19.381.626.801
Đầu tư dài hạn khác	13.2	144.403.982.001	121.403.186.137
- Đầu tư cổ phiếu		105.675.448.324	71.190.248.324
- Đầu tư dài hạn khác		38.728.533.677	50.212.937.813
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(19.078.873.726)	(11.063.162.579)
GIÁ TRỊ THUẬN		138.574.259.059	129.721.650.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
		Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	40%	200.000	9.917.063.123	200.000	8.594.609.849
Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	30%	300.000	3.332.087.661	300.000	3.282.317.987
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (i)	-	-	-	750.000	7.504.698.965
			13.249.150.784		19.381.626.801

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:				
Số đầu năm	2.000.000.000	3.000.000.000	7.500.000.000	12.500.000.000
- Giảm giá trị đầu tư	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số cuối năm	2.000.000.000	3.000.000.000	-	5.000.000.000
Phần lỹ kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:				
Số đầu năm	6.594.609.849	282.317.987	4.698.965	6.881.626.801
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	1.322.453.274	283.477.984	-	1.605.931.258
Giảm khác	-	(233.708.310)	(4.698.965)	(238.407.275)
Số cuối năm	7.917.063.123	332.087.661	-	8.249.150.784
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.594.609.849	3.282.317.987	4.504.698.965	16.381.626.801
Số cuối năm	9.917.063.123	3.332.087.661	-	13.249.150.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty liên kết này như sau:

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)		Trụ sở chính	Hoạt động chính
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	40%	40%	18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác.
Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	30%	30%	102/125 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (i)	17,14%	34,88%	Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển khoa học thực nghiệm, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

(i) Trong năm 2014, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân giảm xuống còn 17,14% do Công ty không tham gia vào đợt tăng vốn cổ phần của công ty này. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại lại thành đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Đầu tư cổ phiếu		105.675.448.324		71.190.248.324
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.250.000	28.590.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	10.888	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	36.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.645.000	21.100.898.824	1.645.000	21.100.898.824
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	30.000	750.000.000	30.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Trung Văn(i)	371.699	26.985.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	750.000	7.500.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác		38.728.533.677		50.212.937.813
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (ii)		37.771.500.000		37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương (iii)		957.033.677		12.441.437.813
		144.403.982.001		121.403.186.137
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		(19.078.873.726)		(11.063.162.579)

(i) Đây là các khoản phải thu gốc và lãi từ các hợp đồng ủy thác đầu tư Công ty đã ký kết với Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nam Sơn trong năm 2011 (xem Thuyết minh số 7). Theo Nghị quyết số 01-11/2014/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông, giá trị các khoản ủy thác đầu tư này đã được chuyển thành khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trung Văn, tương đương với 371.699 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

(iii) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/2013/HĐHT/ITELCOM-ELCOM giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương và Công ty với mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh dịch vụ VoIP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Công cụ, dụng cụ	8.891.090.886	8.517.960.319
Chi phí hoàn thành dự án nuôi tôm (*)	5.939.858.167	5.867.758.167
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.580.080.630	1.237.689.079
Chi phí lập đề án bảo vệ môi trường	1.928.878.798	119.818.186
Tiền thuê đất tại thị trấn Thiên Cẩm	-	684.997.445
Chi phí trả trước dài hạn khác	60.783.535	119.708.905
	18.400.692.016	16.547.912.101

(*) Đây là chi phí nghiên cứu cho dự án nuôi tôm của Công ty thực hiện tại Sóc Trăng từ năm 2013. Dự án vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới (Trình bày lại)	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		21.572.600.000
Giảm khác		-
Số cuối năm		21.572.600.000
Phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		12.943.560.000
Phân bổ trong năm		2.157.260.000
Số cuối năm		15.100.820.000
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		8.629.040.000
Số cuối năm		6.471.780.000

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	55.850.180.699	76.141.738.221
Vay ngắn hạn cá nhân (**)	12.724.500.000	5.450.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	5.520.147.000	-
	74.094.827.699	81.591.738.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	4.999.990.660	Gốc được trả 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, đáo hạn ngày 29 tháng 5 năm 2015	7%-8%	Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.974.708.330	Gốc được trả 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, đáo hạn ngày 25 tháng 9 năm 2015	8,50%	Đảm bảo bằng 620.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện và số tiết kiệm của ông Nguyễn Đức Thiện tại Techcombank
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Thăng Long	48.875.481.709	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 17 tháng 12 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	Từ 6,8% đến 10%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
	55.850.180.699			

(**) Chi tiết vay ngắn hạn cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản vay cùng lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2015	5%	Tin chấp
Nguyễn Thanh Sơn	7.000.000.000	Kỳ hạn vay 4 tháng. Khoản vay cùng lãi vay trả vào ngày 28 tháng 2 năm 2015	8,5%	Tin chấp
Trịnh Thái Thương	680.000.000	Kỳ hạn vay là 12 tháng, đáo hạn ngày 30 tháng 10 năm 2015	0%	Tin chấp
Trần Thị Phương	2.564.500.000	Thời hạn vay là 6-9 tháng kể từ lúc vay, đáo hạn cuối cùng vào ngày 9 tháng 9 năm 2015	0%	Tin chấp
	12.724.500.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải trả ngắn hạn cho người bán	176.987.120.566	153.262.481.624
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.712.115.945	5.484.858.259
	181.699.236.511	158.747.339.883

17.2 Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	31.002.226.998	5.449.812.149
Các bên liên quan trả tiền (Thuyết minh số 31)	23.607.447	23.607.447
	31.025.834.445	5.473.419.596

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	6.397.959.316	5.407.949.539
Thuế thu nhập cá nhân	5.995.715.973	2.748.901.145
Các khoản phí, lệ phí	30.951.428	-
	12.434.591.049	8.156.850.684

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê nhà	1.280.000.000	1.281.134.547
Lãi vay	-	130.649.938
Chi phí phải trả khác	1.283.855.785	411.254.405
	2.543.855.785	1.823.038.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải trả tiền nhận kỳ cược, kỳ quỹ ngắn hạn	1.361.093.567	1.341.093.567
Nhập khẩu ủy thác phải trả	8.004.108.824	8.004.108.824
Phải trả hàng nhận bảo hành	1.680.925.059	186.562.833
Thủ lao trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Bảo hiểm và thuế TNCN phải nộp cho người lao động	2.717.006	386.998.836
Kinh phí công đoàn	3.808.979.320	3.326.322.440
Cổ tức phải trả cho cổ đông	731.116.383	690.180.505
Phải trả phải nộp khác	9.905.919.639	546.529.726
	28.899.742.028	17.886.678.961
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	27.625.913.174	16.612.850.107
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	1.273.828.854	1.273.828.854

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	38.810.671.217	-
	38.810.671.217	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)</i>	5.520.147.000	-
<i>Vay dài hạn</i>	33.290.524.217	-

B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)	Số cuối năm VND	Thời hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
<i>Bên cho vay</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	3.996.632.181	36 tháng bắt đầu từ ngày 4 tháng 7 năm 2014	10%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	1.599.000.000			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	8.248.919.036	32 tháng bắt đầu từ ngày 7 tháng 11 năm 2014	8%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	3.193.200.000			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	3.639.735.000	48 tháng bắt đầu từ ngày 27 tháng 12 năm 2014	8%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	727.947.000			
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	22.925.385.000	96 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	8%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu hình thành trong tương lai từ dự án VTS Hải Phòng
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-			
	38.810.671.217			
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	5.520.147.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

22.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành hàng hóa	2.830.487.978	2.669.879.125
Dự phòng tiền lương	-	5.668.452.029
	2.830.487.978	8.338.331.154

22.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành hàng hóa	4.644.406.991	4.522.565.776
	4.644.406.991	4.522.565.776

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước:	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ	
								Tổng cộng	Tổng cộng
Số đầu năm	366.249.090.000	117.832.900.000	-	18.784.145.194	10.517.195.346	3.000.000.000	160.258.790.099	674.642.121.239	7.150.000.000
- Tăng vốn trong năm	7.150.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	32.628.300.377	32.628.300.377	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(65.924.836.200)	(65.924.836.200)	-
- Trích lập quỹ	-	-	-	2.300.000.000	3.500.000.000	2.200.000.000	(8.000.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	361.388.422	361.388.422	-
Số cuối năm (Trình bày lại)	373.399.090.000	117.832.900.000	-	19.084.145.194	14.017.195.346	5.200.000.000	116.423.643.298	645.956.973.838	645.956.973.838
Năm nay									
Số đầu năm (Trình bày lại)	373.399.090.000	117.832.900.000	-	19.084.145.194	14.017.195.346	5.200.000.000	116.423.643.298	645.956.973.838	6.600.000.000
- Tăng vốn trong năm (*)	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	64.099.309.953	64.099.309.953	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	(30.351.927.200)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(71.500.000)	(71.500.000)	-
Số cuối năm	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	20.584.145.194	15.517.195.346	5.200.000.000	142.832.618.776	681.894.449.316	681.894.449.316

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành và niêm yết bổ sung 600.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 11.000 đồng/cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 00/2013/NQ-DHĐCD ngày 25 tháng 4 năm 2013. Số lượng cổ phiếu phổ thông này được chính thức niêm yết từ ngày 6 tháng 3 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Tổng doanh thu	330.621.604.296	418.706.908.180
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.737.088.225	149.449.764.875
Doanh thu bán hàng hóa	91.766.561.147	188.458.898.391
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	123.205.395.546	48.694.640.225
Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác	37.912.559.378	32.103.604.689
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	330.621.604.296	418.706.908.180
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.737.088.225	149.449.764.875
Doanh thu bán hàng hóa	91.766.561.147	188.458.898.391
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	123.205.395.546	48.694.640.225
Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác	37.912.559.378	32.103.604.689

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.007.518.123	8.370.334.514
Cổ tức, lợi nhuận được chia	837.501.313	29.331.575.454
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.774.910.389	548.859.537
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	392.545.359	84.702.812
	17.012.475.184	38.335.472.317

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Giá vốn cung cấp dịch vụ	60.218.322.709	109.217.652.052
Giá vốn của hàng hóa	65.258.780.623	172.779.162.689
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	42.920.413.432	22.184.068.630
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	36.310.792.615	27.778.671.822
	204.708.309.379	331.959.555.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi tiền vay	6.164.064.873	3.365.538.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	262.755.000	527.422.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	209.524.504	1.766.076.253
Lỗ nhượng bán chứng khoán	-	2.317.101.176
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (*)	-	(8.000.000.000)
Dự phòng các khoản đầu tư	8.015.664.223	10.039.933.577
Chi phí tài chính khác	32.443	31.442
	14.652.061.043	10.016.103.075

(*) Công ty đã hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà với số tiền là 8 tỷ đồng theo Quyết định của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 27 tháng 11 năm 2012 về xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế.

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Thu nhập khác	10.220.204.271	1.403.304.513
Thu từ hoa hồng bán hàng	-	71.097.284
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.514.896.273	194.727.273
Thu nhập khác	7.705.307.998	1.137.479.956
Chi phí khác	13.384.793.116	1.839.729.679
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	6.975.912.459	488.948.487
Chi phí khác	6.408.880.657	1.350.781.192
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC	(3.164.588.845)	(436.425.166)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí mua hàng hóa	69.529.082.156	220.251.390.517
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.989.911.645	25.552.014.687
Chi phí nhân công	75.740.780.678	56.311.168.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.123.433.692	18.398.256.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.709.086.915	81.430.107.740
Chi phí dự phòng bảo hành	1.614.814.071	(9.647.377.801)
Chi phí bằng tiền khác	45.472.746.713	39.886.391.260
	311.179.855.870	432.181.951.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.938.960.504	6.713.185.020
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.393.431.266)	(700.606.982)
	2.545.529.238	6.012.578.038

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	64.374.581.365	37.983.180.828
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản phạt	72.716.842	144.594.531
Chi phí khấu hao không theo quy định	538.489.725	532.393.512
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	2.651.462.722	756.501.786
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(1.272.493.063)	(641.041.201)
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	3.756.884.172	3.497.719.903
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	70.121.641.763	42.273.349.359
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm	77.782.435.982	22.662.517.591
- Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	376.874.333	21.963.990.408
- Lỗ từ các công ty con (*)	(8.037.668.552)	(2.353.158.640)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	70.121.641.763	42.273.349.359
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	3.938.960.504	6.713.185.020
Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, phần mềm	3.889.121.799	1.133.125.880
Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ hàng hóa	49.838.705	5.580.059.140
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.407.949.539	2.407.829.046
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.948.950.727)	(3.713.064.527)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	6.397.959.316	5.407.949.539

(*) Đây là khoản lỗ trong năm của các công ty con. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	2.226.830.650	833.399.383	(1.393.431.266)	(700.606.982)
Thu nhập thuế hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(1.393.431.266)	(700.606.982)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam HDQT	Chung thành viên	Cho vay	3.250.000.000
		Cho thuê văn phòng	197.926.182
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.260.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua hàng và bán hàng cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Chung thành viên HDQT	Cho thuê văn phòng	163.200.000
			163.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)			
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000
			13.000.000.000
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Chung thành viên HDQT	Cho vay không lãi suất	700.000.000
		Phải thu lãi vay	357.777.778
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi	7.800.000
		Hàng gửi bảo hành	19.284.641
			1.084.862.419
Phải trả người bán (Thuyết minh số 17.1)			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	4.712.115.945
			4.712.115.945
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 17.2)			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	23.607.447
			23.607.447
Phải trả khác (Thuyết minh số 20)			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Phải trả khoản ủy thác đầu tư	1.273.828.854
			1.273.828.854

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	3.071.690.000	3.205.482.000
	3.071.690.000	3.205.482.000

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.099.309.953	32.628.300.377
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	64.099.309.953	32.628.300.377
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.840.817	36.688.486
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	37.840.817	36.688.486
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.694	889
- Lãi suy giảm	1.694	889

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Thành phẩm			Loại trừ			Tổng cộng
	Thành phẩm phần mềm	Mảng hóa	Dịch vụ khác (SP eBuy)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng	
Doanh thu	123.205.395.546	91.766.561.147	77.737.088.225	36.576.669.409	-	330.621.604.296	
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	37.293.675.640	-	6.871.777.374	387.600.000	-	391.771.023.014	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	42.920.413.432	65.258.780.623	60.218.322.709	35.357.854.165	-	204.708.308.379	
Giá vốn của các bộ phận	80.284.982.114	26.507.780.524	17.518.765.816	1.218.815.244	-	125.518.286.700	
Kết quả							
Lợi nhuận(lỗ) góp trước thuế của bộ phận	218.875.175.827	163.023.884.767	138.100.436.090	64.978.667.927	-	564.978.164.611	
Thu nhập(chi phí) không phân bổ (**)	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận(lỗ) thuần trước thuế	218.875.175.827	163.023.884.767	138.100.436.090	64.978.667.927	-	564.978.164.611	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/phần lợi	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận(lỗ) thuần sau thuế							
Tài sản và công nợ	218.875.175.827	163.023.884.767	138.100.436.090	64.978.667.927	-	564.978.164.611	
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	-	
Tài sản không phân bổ (***)	-	-	-	-	-	-	
Tổng tài sản							
Công nợ bộ phận	88.408.999.667	65.849.306.663	55.782.120.389	26.246.470.289	-	236.286.876.009	
Công nợ không phân bổ (***)	-	-	-	-	-	-	
Tổng công nợ							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau.

	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Nước ngoài	Địa phương khác	Tổng cộng
Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	218.461.522.993	14.658.827.798	90.728.794.232	6.772.459.273	330.621.604.296
Tổng tài sản không phân bổ					1.088.202.747.788
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					67.487.591.191

Đơn vị tính: VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng, chi nhánh được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.792.755.657	3.591.144.000
Trên 1 – 5 năm	-	953.017.249
	2.792.755.657	4.544.161.249

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê tài sản và hợp đồng cho thuê văn phòng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	28.819.108.535	1.703.954.760
Trên 1 – 5 năm	104.245.979.460	1.954.867.200
	133.065.087.995	3.658.821.960

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	Bên nhận đầu tư	Đơn vị tính: VNĐ	
		Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp
			Số vốn chưa góp
1	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc	17.850.000.000	-
3	Công ty Cổ phần Elcom Plus	7.650.000.000	-
4	Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	7.500.000.000
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000
6	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	71.428.500.000	300.000.000
9	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long xanh	468.050.000.000	37.771.500.000
		635.346.500.000	64.692.240.000
			570.654.260.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng (tiếp theo)

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 7, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty và các công ty con có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty và các công ty con dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VND	+18	(133.370.690)
VND	-18	133.370.690
Năm trước		
VND	+2	(16.318.348)
VND	-2	16.318.348

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty và các công ty con có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty và các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty và các công ty con lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty và các công ty con không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ.

Đơn vị tính: VND

	<i>Thay đổi tỷ giá</i>	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
USD	+1%	(643.275.654)
USD	-1%	643.275.654
Năm trước		
USD	+1%	(988.306.618)
USD	-1%	988.306.618

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty và các công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty và các công ty con quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty và các công ty con cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty và các công ty con có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty và các công ty con chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty và các công ty con có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty và các công ty con có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty và các công ty con thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty và các công ty con. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty và các công ty con đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty và các công ty con nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đơn vị tính: VND

	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</i>			
			<i>6 tháng - 1 năm</i>	<i>1 - 2 năm</i>	<i>2 - 3 năm</i>	<i>> 3 năm</i>
<i>Số cuối năm</i>	431.341.443.948	405.049.638.219	237.847.500	586.786.561	17.467.171.668	8.000.000.000
<i>Số đầu năm</i>	363.026.360.731	317.692.147.920	413.299.850	3.644.167.130	33.276.725.832	8.000.000.000

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và các công ty con gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty và các công ty con chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty và các công ty con giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và các công ty con và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây hợp nhất thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ			
Phải trả người bán	181.699.236.511	-	181.699.236.511
Chi phí phải trả	2.543.855.785	-	2.543.855.785
Các khoản phải trả khác	21.683.163.472	-	21.683.163.472
205.926.255.768	74.094.827.699	33.290.524.217	313.311.607.684
Số đầu năm			
Các khoản vay và nợ			
Phải trả người bán	158.747.339.883	-	158.747.339.883
Chi phí phải trả	1.823.038.890	-	1.823.038.890
Các khoản phải trả và khoản phải trả khác	10.768.475.455	-	10.768.475.455
171.338.854.228	81.591.738.221	-	252.930.592.449

Tài sản đảm bảo

Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con.

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Đầu tư ngắn hạn	22.234.215.740	6.402.715.740	19.271.543.907	3.439.996.963
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.346.920.000	4.346.920.000	1.384.248.167	1.384.201.243
Đầu tư dài hạn khác	144.403.982.001	121.403.186.137	125.325.108.275	110.340.023.558
Phải thu khách hàng	397.427.735.291	322.737.290.557	385.960.774.751	318.911.122.804
Phải thu khác	36.961.094.197	65.541.735.332	35.350.669.197	44.115.237.927
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.385.152.551	102.431.720.910	54.385.152.551	102.431.720.910
655.412.179.780	(25.088.931.099)	618.516.648.676	630.323.248.681	579.238.102.182
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ				
Phải trả người bán	107.365.351.916	81.591.738.221	107.365.351.916	81.591.738.221
Chi phí phải trả	181.699.236.511	158.747.339.883	181.699.236.511	158.747.339.883
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.543.855.785	1.823.038.890	2.543.855.785	1.823.038.890
	21.683.163.472	10.768.475.455	21.683.163.472	10.768.475.455
313.311.607.684	252.930.592.449	313.311.607.684	252.930.592.449	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

37. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC

Các dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty và các công ty con đã được trình bày lại để điều chỉnh ảnh hưởng của một số sai sót kế toán trong các năm trước như:

- ▶ Trong các năm tài chính trước, Công ty đã ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong khi trên thực tế, Công ty đã nắm quyền kiểm soát đối với công ty này, thể hiện qua việc Công ty sở hữu 52,39% vốn cổ phần thực tế của công ty này, cũng như việc Công ty nắm 2 trên 3 thành viên hội đồng quản trị của công ty này. Do đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố để sửa chữa sai sót kế toán này bằng việc hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn vào báo cáo tài chính hợp nhất của các năm tài chính trước. Việc điều chỉnh hồi tố này có ảnh hưởng đến các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;
- ▶ Cũng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn, tại ngày mua công ty con này, Công ty đã đánh giá rằng đây không phải là một giao dịch hợp nhất kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn không đáp ứng điều kiện là một hoạt động kinh doanh tại ngày mua. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá rằng, trên thực tế, đây là một giao dịch mua một nhóm các tài sản, chủ yếu bao gồm quyền thăm dò khai thác mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà Pi, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn nắm giữ tại ngày mua. Trên cơ sở đó, Công ty đã phân bổ giá mua cho các tài sản do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới nắm giữ và trích hao mòn tương ứng đối với các tài sản này kể từ ngày mua.
- ▶ Điều chỉnh sai sót liên quan đến việc phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Khoản lợi thế thương mại này phát sinh vào ngày mua, là vào tháng 12 năm 2007, nhưng lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh này trước đây được phân bổ hết cho cả năm 2007.
- ▶ Điều chỉnh sai sót liên quan đến các bút toán cân trừ giao dịch nội bộ, công nợ nội bộ bị hạch toán sai trong các năm tài chính trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết của các điều chỉnh nêu trên ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Mã số	Khoản mục	Số trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh lại	Số sau khi điều chỉnh
111	Tiền	17.113.629.277	309.591.633	17.423.220.910
112	Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	8.500.000	85.008.500.000
121	Đầu tư ngắn hạn	8.302.715.740	(1.900.000.000)	6.402.715.740
131	Phải thu khách hàng	343.909.784.079	(21.172.493.522)	322.737.290.557
132	Trả trước cho người bán	28.642.279.423	799.890.000	29.442.169.423
135	Các khoản phải thu khác	59.698.996.664	5.842.738.668	65.541.735.332
141	Hàng tồn kho	80.573.365.759	1.373.104.748	81.946.470.507
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.363.828.017	59.030.216	5.422.858.233
158	Tài sản ngắn hạn khác	20.492.331.893	3.474.915	20.495.806.808
218	Phải thu dài hạn khác	94.860.000	(94.860.000)	-
222	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	160.678.682.723	3.156.261.588	163.834.944.311
223	Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(36.772.599.370)	(851.506.687)	(37.624.106.057)
228	Nguyên giá tài sản cố định vô hình	13.392.380.384	11.100.000.000	24.492.380.384
229	Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	(3.231.570.780)	(6.320.833.333)	(9.552.404.113)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.930.541.368	10.698.792.710	45.629.334.078
252	Đầu tư vào công ty liên kết	20.981.626.801	(1.600.000.000)	19.381.626.801
258	Đầu tư dài hạn khác	140.142.786.137	(18.739.600.000)	121.403.186.137
261	Chi phí trả trước dài hạn	15.895.423.070	649.489.031	16.544.912.101
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.836.773.048	(1.003.373.665)	833.399.383
268	Tài sản dài hạn khác	-	374.860.000	374.860.000
269	Lợi thế thương mại	6.471.808.500	2.157.231.500	8.629.040.000
312	Phải trả người bán	179.353.594.169	(20.606.254.286)	158.747.339.883
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.156.787.884	62.800	8.156.850.684
315	Phải trả người lao động	937.961.366	40.320.460	978.281.826
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.661.561.164	225.117.797	17.886.678.961
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	117.883.619.225	(1.459.975.927)	116.423.643.298
439	Lợi ích của cổ đông thiểu số	49.782.292	6.651.026.958	6.700.809.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
		Số trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh lại	Số sau khi điều chỉnh
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.889.757.262	(182.849.082)	418.706.908.180
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(331.472.449.303)	(487.105.890)	(331.959.555.193)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	39.419.572.798	(1.084.100.481)	38.335.472.317
22	Chi phí tài chính	(11.022.649.035)	1.006.545.960	(10.016.103.075)
24	Chi phí bán hàng	(7.102.788.259)	(8.627.200)	(7.111.415.459)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(66.507.320.168)	(3.343.641.761)	(69.850.961.929)
31	Thu nhập khác	1.403.304.513	-	1.403.304.513
32	Chi phí khác	(1.804.960.744)	(34.768.935)	(1.839.729.679)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	471.225.289	229.381.693	700.606.982
61	Lỗ thuộc về các cổ đông thiểu số	(8.715.135)	(648.982.452)	(657.697.587)
62	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	35.884.483.119	(3.256.182.742)	32.628.300.377

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
		Số trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh lại	Số sau khi điều chỉnh
01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	396.234.405.431	(17.225.120.795)	379.009.284.636
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(406.259.516.844)	17.168.338.745	(389.091.178.099)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(61.847.032.742)	(509.110.966)	(62.356.143.708)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	9.569.863.587	450.116.898	10.019.980.485
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(37.116.670.065)	(568.238.406)	(37.684.908.471)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh	(106.414.785.037)	(684.014.524)	(107.098.799.561)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.750.000.000)	520.000.000	(1.230.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	47.885.413.846	8.420.479	47.893.834.325
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.399.546.425)	528.420.479	(4.871.125.946)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	107.177.127.587	300.000.000	107.477.127.587
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(89.081.863.947)	144.405.955	(88.937.457.992)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	190.601.931.601	173.685.678	190.775.617.279
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	102.113.629.277	318.091.633	102.431.720.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và các công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG.

Tên tiếng Anh: Electronics communications technology Investment development corporation.

Tên viết tắt: ELCOM CORP.

Ngày thành lập: 15/12/1995

Mã số thuế: 0101435127

Giấy phép ĐKKD số: 0101435127 ; ngày 18/ 07/ 2003

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 38 359 359

Fax: 04 38 355 884

Email: info.hn@elcom.com.vn

Website: www.Elcom.com.vn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Chiến Thắng

"Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 đã kiểm toán, Quý vị cổ đông tham khảo theo đường link: <http://www.elcom.com.vn>"



1995 - 2015
ELCOM CORPORATION